



**ĐẠM HÀ BẮC**

*Chất bổ cùng nhà nông*



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 20 24**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

# Mục lục

CHƯƠNG

01

## PHẦN MỞ ĐẦU

- 06. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020 – 2024
- 09. Tầm nhìn và Sứ mệnh

CHƯƠNG

02

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 12. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 16. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 21. Định hướng phát triển
- 22. Rủi ro

CHƯƠNG

03

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

- 26. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28. Tổ chức và nhân sự
- 35. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư
- 36. Tình hình tài chính
- 37. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 39. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

CHƯƠNG

04

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 44. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
- 46. Tình hình tài chính
- 47. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

48. Phương hướng phát triển năm 2025

50. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

51. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

CHƯƠNG

05

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 56. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 60. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 60. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

CHƯƠNG

06

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64. Hội đồng quản trị
- 66. Ban kiểm soát
- 67. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS
- 68. Tăng cường quản trị công ty

CHƯƠNG

07

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024



# CHƯƠNG I

## PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT  
Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn  
2020-2024  
Tầm nhìn và Sứ mệnh

*Thông điệp*

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty!*

Năm 2024 đã khép lại, đánh dấu một giai đoạn vừa có nhiều khó khăn, thách thức vừa có nhiều những nỗ lực vượt khó của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa hoàn toàn phục hồi, lạm phát duy trì ở mức cao và chính sách tiền tệ thắt chặt ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và đầu tư, ngành phân bón trong nước vẫn đang đối mặt với nhiều diễn biến bất lợi. Biến động giá nguyên liệu đầu vào, sự cạnh tranh khốc liệt từ hàng nhập khẩu và nhu cầu thị trường bất ổn đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, bằng bản lĩnh, sự quyết tâm và đoàn kết, chúng ta đã vượt qua những khó khăn đó để đạt được những kết quả đáng tự hào. Doanh thu duy trì ổn định, lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ việc tối ưu hóa chi phí sản xuất. Đặc biệt, chi phí tài chính giảm mạnh giúp Công ty giảm áp lực nợ vay, tăng cường hiệu quả hoạt động. Dù tổng lợi nhuận sau thuế suy giảm do không còn khoản thu nhập đột biến, nhưng điều đó càng khẳng định rõ hơn tầm quan trọng của việc tìm kiếm những động lực tăng trưởng mới, bền vững trong tương lai.

Bước sang năm 2025, Công ty sẽ quyết liệt theo đuổi các mục tiêu chiến lược: đẩy mạnh tối ưu hóa sản xuất, tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ. Chúng ta sẽ tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực quản trị và khai thác hiệu quả các nguồn lực. Bên cạnh đó, sự phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm môi trường và xã hội sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, đối tác và tất cả cán bộ, công nhân viên Công ty đã đồng hành, cống hiến hết mình. Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và quyết tâm, tin tưởng rằng chúng ta sẽ vững vàng vượt qua mọi thách thức, khẳng định vị thế và hướng tới tương lai phát triển bền vững.

**Trân trọng,**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Nguyễn Văn Thiệu*

# TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2020-2024

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.790,09	4.498,58	6.441,03	4.413,48	4.439,48
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	(294,79)	1.189,49	2.834,61	(15,27)	277,66
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(1.460,23)	0,63	1.779,15	858,28	6,85
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(1.460,50)	0,63	1.779,15	858,28	6,85
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	8.620,53	8.029,26	7.581,44	6.745,87	6.247,66
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	(1.977,40)	(1.977,53)	(252,18)	611,61	618,45
Nợ phải trả	Tỷ đồng	10.597,93	10.006,79	7.833,63	6.134,26	5.629,21
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	-16,26	0,01	22,79	11,98	0,11
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	117,18	-0,03	-159,59	477,59	1,11

# TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

## Tầm nhìn



Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất công nghiệp tại Việt Nam, tiên phong trong công nghệ xanh, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

## Sứ mệnh



- **Cung cấp sản phẩm chất lượng cao:** Đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và công nghiệp bằng những sản phẩm phân bón, hóa chất có chất lượng vượt trội, an toàn và hiệu quả.
- **Phát triển bền vững:** Tích cực áp dụng các công nghệ hiện đại, giảm thiểu tác động môi trường, hướng đến một nền sản xuất xanh và thân thiện với hệ sinh thái.
- **Đồng hành cùng nông nghiệp Việt Nam:** Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, giúp nông dân tối ưu hóa sản xuất và tăng thu nhập.
- **Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp:** Đầu tư vào con người, phát triển môi trường làm việc năng động, sáng tạo và gắn kết.
- **Gia tăng giá trị cho cổ đông và đối tác:** Duy trì hiệu quả kinh doanh, nâng cao giá trị thương hiệu và đảm bảo lợi ích lâu dài cho các bên liên quan.




## CHƯƠNG II

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung về doanh nghiệp  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Rủi ro

# THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

## Thông tin khái quát

<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
<b>Tên giao dịch quốc tế</b>	HANICHEMCO
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 06/11/2024
<b>Vốn điều lệ</b>	2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
<b>Mã cổ phiếu</b>	DHB
<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
<b>Số điện thoại</b>	02043854538
<b>Số fax</b>	02043855018
<b>Website</b>	<a href="http://www.damhabac.com.vn">http://www.damhabac.com.vn</a>
<b>Logo công ty</b>	



## Chặng đường hình thành và phát triển

### Năm 1959

Chính phủ Việt Nam ký với Chính phủ Trung Quốc hiệp định về việc giúp đỡ xây dựng nhà máy Phân đạm Hà Bắc

### Năm 1965

- Sau 05 năm xây dựng, Nhà máy đã hình thành với tổng số 130 công trình.
- Ngày 03/02/1965 khánh thành Phân xưởng Nhiệt điện.
- Ngày 19/05/1965 Phân xưởng Tạo khí đã sản xuất thành công được khí than để làm nguyên liệu sản xuất Amôniac.
- Ngày 01/06/1965 Xưởng Cơ khí đi vào hoạt động.

### Năm 1973

Nhà máy được khôi phục xây dựng và mở rộng.

### Năm 1975

Chính phủ hợp nhất Nhà máy Điện Hà Bắc, Nhà máy Cơ khí Hóa chất Hà Bắc và các phân xưởng Hóa thành lập Nhà máy Phân đạm Hà Bắc; Sản xuất ra bao đạm mang nhãn hiệu Lúa vàng đầu tiên.

### Năm 1976-1983

Sản xuất gặp nhiều khó khăn, sản lượng năm 1981 chỉ đạt 9.000 tấn đạm urê bằng 9% công suất thiết kế. Ngày 17/01/1983 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có Chỉ thị 19-CP nhằm duy trì và đẩy mạnh sản xuất của Nhà máy Phân đạm Hà Bắc.

### Năm 1993

Ngày 13/02/1993 đổi tên thành Công ty Phân đạm và Hoá Chất Hà Bắc.

### Năm 2016

Ngày 01/01/2016 Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

### Năm 1960

Nhà máy Phân đạm đầu tiên của Việt Nam được khởi công xây dựng tại tỉnh Bắc Giang

### Năm 1965-1973

Tuy nhiên, do cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ nên Chính phủ quyết định tạm ngừng đưa nhà máy vào sản xuất và phân xưởng Nhiệt điện chuyển thành nhà máy Nhiệt điện Hà Bắc bám trụ sản xuất phục vụ kinh tế và quốc phòng. Xưởng Cơ khí chuyển thành Nhà máy Cơ khí hóa chất Hà Bắc sơ tán lên Lạng Giang và sản xuất theo nhiệm vụ thời chiến, Khu Hóa tháo dỡ thiết bị đưa trở lại Trung Quốc.

Cuộc chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ đã đánh phá Nhà máy Điện 52 trận với hàng ngàn tấn bom đạn. Tự vệ nhà máy đã tham gia chiến đấu 63 trận, góp phần bắn rơi một máy bay Mỹ và bắn bị thương một số chiếc khác.

### Năm 1977

Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân Đạm Hà Bắc, đánh dấu mốc son của ngành sản xuất phân đạm Việt Nam.

### Năm 1988

Ngày 10/10/1988 Nhà máy đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

### Năm 2006

Ngày 20/10/2006 Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc

Trong quá trình phát triển, Công ty đã được sự quan tâm của các đồng chí Lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh, Chủ tịch nước Lê Đức Anh, Trần Đức Lương đã về thăm và làm việc tại Công ty.

## Các danh hiệu cao quý

**Năm 2010** Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương độc lập hạng ba

**Năm 2011** Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua

**Năm 2012** Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ Thi đua





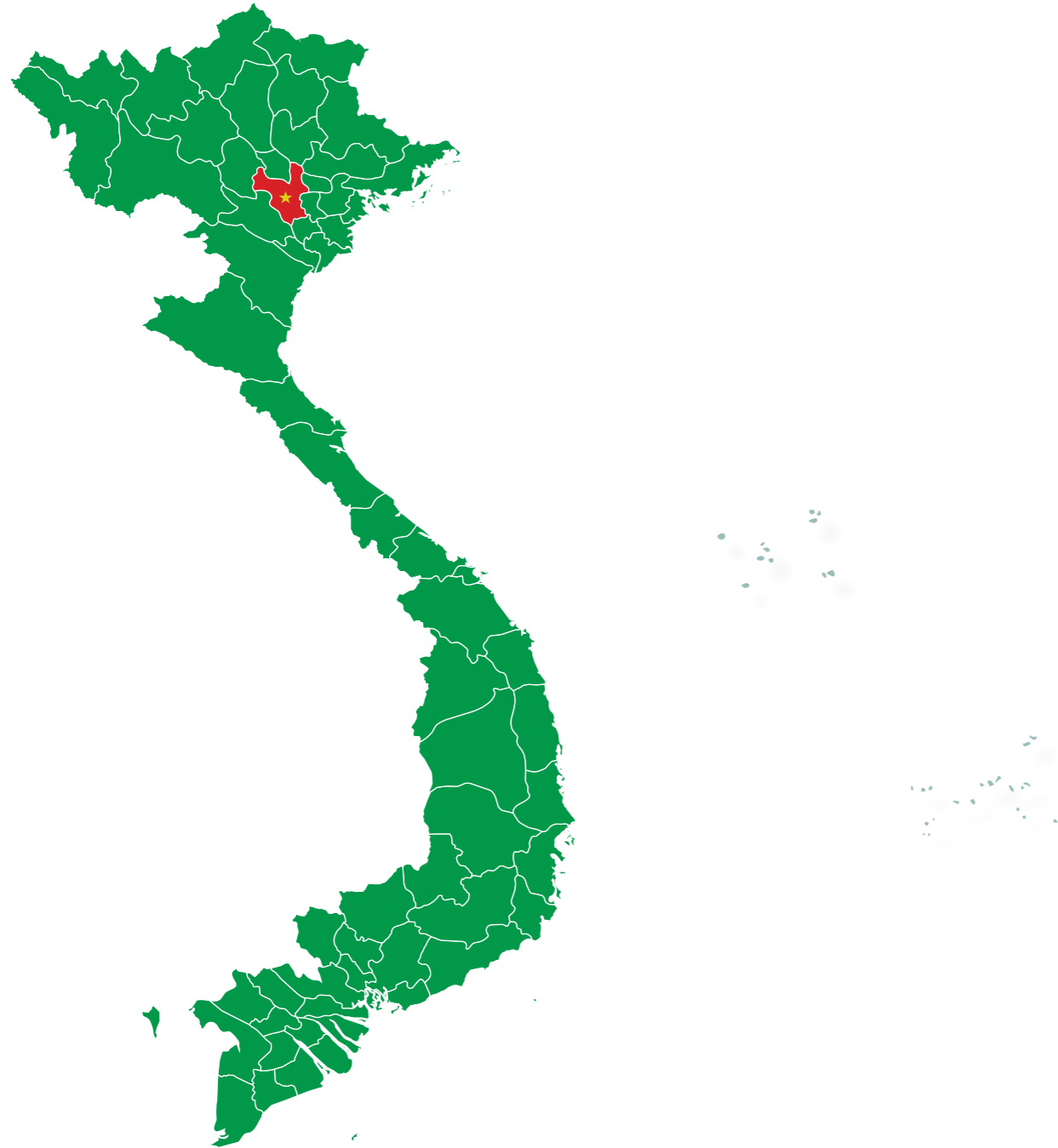
# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê và NH3 lỏng và các sản phẩm khí công nghiệp.

## Địa bàn hoạt động

- **Đối với sản phẩm Urê:** Tiêu thụ trên địa bàn cả nước và xuất khẩu, Công ty đã và đang triển khai đưa sản phẩm Urê tới bà con nông dân ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là các nước châu Á như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Philipin, Đài Loan, Malaysia, Ấn Độ ...
- **Đối với sản phẩm NH3 lỏng:** Công ty bán trực tiếp cho các đơn vị sản xuất như sản xuất phân bón DAP, MAP, sản xuất thuốc nổ, sản xuất mỳ chính, .... và bán thông qua nhà phân phối của Công ty trên địa bàn cả nước.



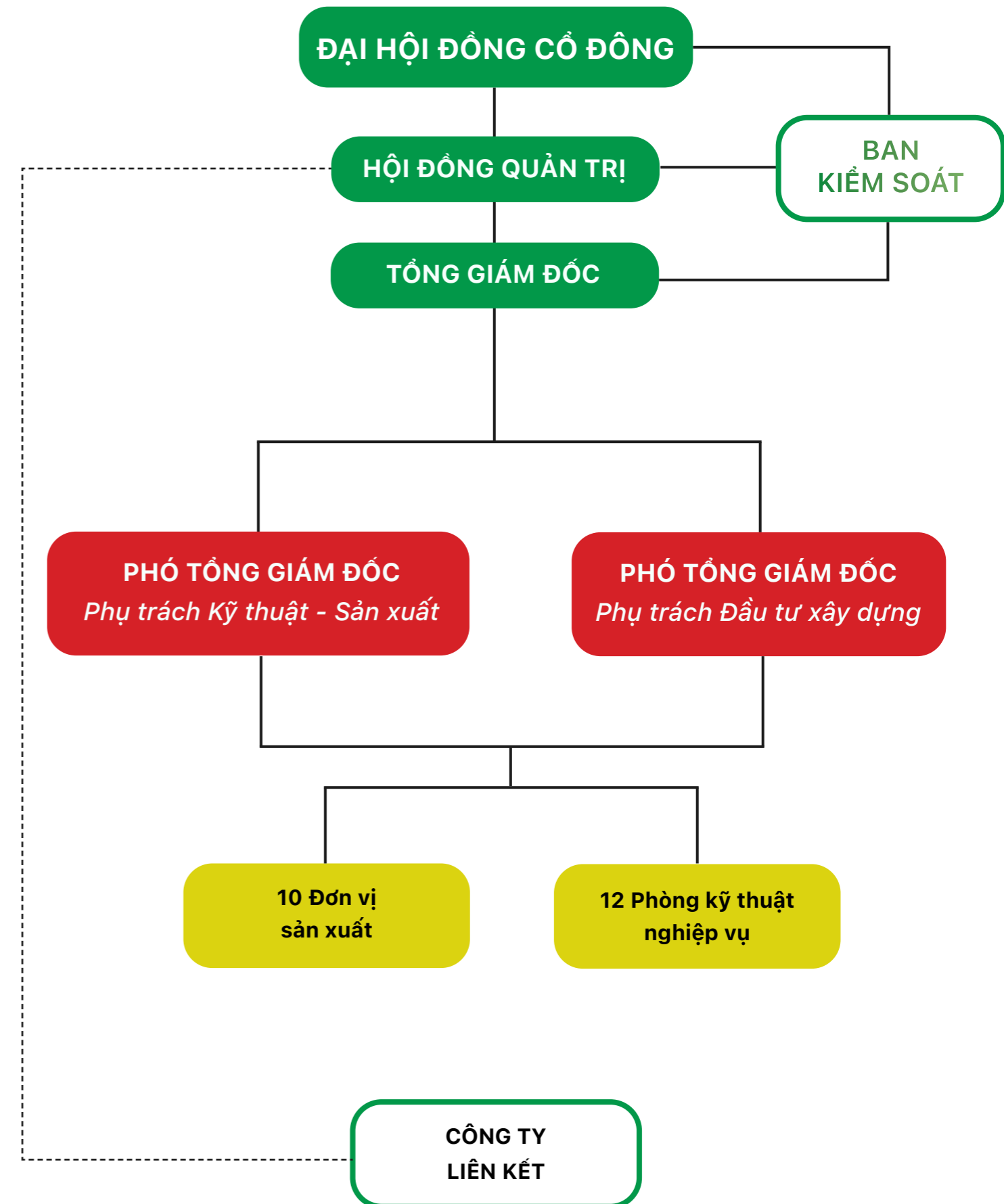
# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Hiện nay, DHB đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

## Sơ đồ tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị Công ty có 05 người, trong đó có 02 thành viên không điều hành và 03 thành viên điều hành. Hội đồng quản trị thực hiện quản lý Công ty và đảm bảo hoạt động của Công ty theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát Công ty có 03 người, trong đó có 01 người làm trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty. Hoạt động theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.
- **Ban Tổng giám đốc:** Cơ cấu Ban Tổng giám đốc hiện có Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.
  - » Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, theo luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác.
  - » 02 Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành các lĩnh vực công tác của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ:** tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty, gồm: Văn phòng Công ty, phòng Tổ chức Nhân sự, phòng Kế hoạch và Đầu tư, phòng Thị trường, phòng Vật tư Vận tải, Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, phòng Bảo vệ Quân sự, phòng Kỹ thuật Sản xuất, phòng Cơ khí và Xây dựng, phòng Điện Đo lường, phòng KCS, phòng Y tế.
- **Các xưởng sản xuất:** thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty, gồm: Xưởng Nhiệt, xưởng Tạo khí, xưởng Amôniắc, xưởng Urê, xưởng Thành phẩm, xưởng Than, xưởng Điện, xưởng Đo lường Tự động hóa, xưởng Sửa chữa và lắp đặt thiết bị hóa chất, xưởng Nước.



\*Mô hình hoạt động tại thời điểm 31/12/2024

## Công ty con, công ty liên kết

### Công ty con

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không có công ty con.

### Công ty liên kết

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn góp của DHB	Tỷ lệ sở hữu của DHB
1	Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Đường Phạm Liêu, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Sản xuất kinh doanh chính là Cácbonđiôxít lỏng và rắn	24.025.190.000 đồng	8.649.060.000 đồng	36%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### • Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- » Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Công ty Đạm Hà Bắc, duy trì ổn định sản xuất, hoàn thành mục tiêu hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, bền vững và thân thiện với môi trường.
- » Xây dựng Công ty Đạm Hà Bắc trở thành một doanh nghiệp mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- » Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

### • Định hướng phát triển trung và dài hạn

- » Chiến lược phát triển Trung hạn: Tập trung vào các phân khúc thị trường Đạm Urê cho chăm bón cho cây trồng, đáp ứng đủ nhu cầu cho thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.
- » Chiến lược dài hạn: Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và sản xuất các loại phân bón thân thiện với môi trường, trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp phân bón, nâng cao hiệu quả cho ngành sản xuất nông nghiệp.

### • Mục tiêu phát triển bền vững

Công ty đặt ra mục tiêu phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính:

- » Đồng hành cùng phát triển với nông nghiệp và người nông dân.
- » Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong sản xuất.
- » Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động Công ty.

01

## RỦI RO KINH TẾ

Hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ nền kinh tế trong nước và thế giới. Các yếu tố như tăng trưởng kinh tế chậm lại, lạm phát cao, biến động tỷ giá, chính sách tiền tệ thắt chặt có thể làm giảm nhu cầu phân bón và hóa chất, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, những biến động kinh tế

toàn cầu có thể làm thay đổi chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu, gây áp lực lên giá thành sản xuất và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Trong giai đoạn 2024 - 2025, các rủi ro hiện hữu từ biến động kinh tế thế giới bao gồm: thắt chặt chính sách thương mại, tăng cường bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu lớn, đình trệ chuỗi cung ứng gây ra bởi căng thẳng thương mại – xung đột chính trị, gia tăng chi phí đầu vào, gia tăng áp lực cạnh tranh, rủi ro từ bất ổn trong an ninh năng lượng, .... Bên cạnh đó, biến động tỷ giá ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu và giá trị khi xuất khẩu.

02

## RỦI RO DÒNG TIỀN

Ngành sản xuất phân bón và hóa chất có chu kỳ thu hồi vốn tương đối dài, trong khi đó Công ty cần đầu tư lớn vào máy móc, thiết bị và dự trữ nguyên vật liệu. Nếu khả năng luân chuyển hàng tồn kho kéo dài, thu hồi công nợ từ khách hàng chậm hoặc thị trường gặp khó khăn, Công ty có thể đối mặt với thiếu hụt dòng tiền, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, các khoản vay ngân hàng phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất cũng tạo áp lực thanh toán lãi vay và gốc nợ trong trường hợp doanh thu giảm. Hiện nay, Công ty đối mặt với áp lực liên quan đến dòng tiền để trả nợ theo đề án tái cơ cấu với Ngân hàng Phát triển KV Bắc Đông Bắc. Ngoài ra, việc thực hiện kế hoạch đầu tư mới của Công ty cũng cần có nguồn tài chính dài hạn tài trợ. Từ đó, việc huy động và sử dụng nguồn tài chính cần phù hợp và hiệu quả với từng thời điểm.

03

## RỦI RO PHÁP LUẬT

Ngành sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất chịu sự quản lý chặt chẽ của các cơ quan nhà nước. Sự thay đổi trong chính sách thuế, quy định môi trường, tiêu chuẩn chất lượng hoặc các yêu cầu về giấy phép kinh doanh, kiểm soát khí thải có thể làm tăng chi phí tuân thủ pháp luật và ảnh hưởng đến hoạt

động sản xuất. Việc siết chặt quản lý đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường cũng có thể gây áp lực lên việc mở rộng sản xuất của Công ty trong tương lai.

Ngoài ra, là một doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

04

## RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất phân đạm như khí thiên nhiên, than cám, hóa chất phụ trợ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí. Trong đó, than là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong sản xuất phân đạm và hóa chất. Việc thiếu hụt nguồn cung hoặc giá nguyên liệu biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của Công ty.

Hiện nay, nguồn than trong nước không ổn định hoặc phải nhập khẩu với chi phí cao có thể tác động đến khả năng kiểm soát giá thành sản phẩm. Việc phụ thuộc vào nguồn than từ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các nhà cung cấp nước ngoài cũng tạo ra rủi ro về giá cả và nguồn cung, đặc biệt khi có biến động địa chính trị hoặc thay đổi trong chính sách xuất – nhập khẩu than.

05

## RỦI RO CẠNH TRANH VÀ THỊ TRƯỜNG

Ngành phân bón Việt Nam ngày càng cạnh tranh gay gắt do sự gia nhập của các doanh nghiệp mới với công nghệ hiện đại hơn, áp lực từ hàng nhập khẩu khi các hiệp định thương mại tự do giúp phân bón từ Trung Quốc, Nga, Indonesia tràn vào Việt Nam với giá cạnh tranh và thay đổi nhu cầu tiêu dùng khi nông dân chuyển sang phân bón hữu cơ, vi sinh, giảm sử dụng phân đạm truyền thống. Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ phân bón nhập khẩu, từ các công ty sản xuất phân bón trong nước dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không điều chỉnh kịp thời với thị trường.

06

## RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý chí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra.



## CHƯƠNG III

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



## Thuận lợi

- Năm 2024, Công ty được xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thu đến hết ngày 21/12/2023 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Khu vực Bắc Đông Bắc hơn 243 tỷ đồng giúp Công ty giảm gánh nặng tài chính đáng kể. Điều này cải thiện dòng tiền, giảm áp lực thanh toán và tạo điều kiện để Công ty tái đầu tư vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Vào tháng 12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tái cơ cấu các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Khu vực Bắc Đông Bắc, mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu nguồn lực và cải thiện tình hình tài chính. Kết quả bước đầu của tái cơ cấu đã giúp Công ty tiếp tục có lãi trong năm 2024, tạo động lực tăng trưởng ổn định hơn trong những năm tới.
- Việc Quốc hội thông qua chính sách giảm 2% thuế GTGT trong năm 2024 giúp doanh nghiệp giảm chi phí, từ đó gia tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Đây là một yếu tố thuận lợi, đặc biệt trong bối cảnh giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh.
- Mặc dù gặp nhiều thách thức, ngành nông nghiệp vẫn là trụ cột quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, kéo theo nhu cầu ổn định đối với phân bón và hóa chất. Công ty có lợi thế thương hiệu lâu đời, hệ thống phân phối rộng và có thể tận dụng nhu cầu này để duy trì sản lượng tiêu thụ.



## Khó khăn

- Đầu năm 2024, Tình hình sản xuất không thuận lợi do thời tiết diễn biến bất thường, nắng nóng mưa giông nhiều, đặc biệt là xảy ra sét đánh nhiều lần làm đứt đường dây truyền tải điện của Công ty, dây chuyền sản xuất phải ngừng đột xuất, bất thường ảnh hưởng trực tiếp lớn đến thiết bị của dây chuyền sản xuất, buộc phải ngừng máy dài ngày để sửa chữa thiết bị. Điều này không chỉ làm giảm công suất sản xuất mà còn kéo theo chi phí bảo trì, sửa chữa tăng cao, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và cung ứng sản phẩm ra thị trường.
- Tình hình mưa, bão, lũ diễn ra bất thường đặc biệt ảnh hưởng của cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão khiến việc cung cấp vật tư, hàng hóa bị gián đoạn.
- Công tác tiêu thụ cũng gặp khó khăn do thị trường phân bón cạnh tranh khốc liệt giữa hàng trong nước và sản phẩm nhập khẩu.
- Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) thay đổi nguồn than cung cấp từ than cám 5a.1 sang than cám 5a.10 với giá cao hơn, làm gia tăng chi phí sản xuất của Công ty. Giá than chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất phân đạm, do đó sự thay đổi này làm giảm khả năng cạnh tranh về giá bán của Công ty trên thị trường.

## Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Trong năm, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2024	Thực hiện năm 2024		
				Thực hiện	So sánh Kế hoạch năm (%)	So sánh thực hiện năm 2023 (%)
I	<b>Nợ ngân sách</b>	Tỷ đồng	74,9	69,5	92,8	117,9
II	<b>Giá trị SXCN (Giá TT)</b>	Tỷ đồng	4.667,1	4.163,3	89,2	98,8
III	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	4.720,4	4.466,4	94,6	100,9
IV	<b>Hiệu quả SX-KD</b>	Tỷ đồng	168,3	6,8	4,1	0,8
V	<b>Sản lượng sản xuất</b>					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng NH3 lỏng sản xuất)	Tấn	440.160	434.268	98,7	96,0
1	Urê	Tấn	367.440	397.658	108,2	101,7
2	NH3 thương phẩm	Tấn	40.000	19.486	48,7	55,8
3	Điện sản xuất	Mw.h	140.250	134.041	95,6	89,2
VI	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>					
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng thương phẩm)	Tấn	439.444	440.882	100,3	93,6
1	Urê	Tấn	370.000	407.052	110,0	99,1
2	NH3 thương phẩm	Tấn	40.000	19.486	48,7	55,9

Kết quả SX-KD của Công ty năm 2024 lãi 6,8 tỷ đồng, giảm lãi 161 tỷ đồng so với kế hoạch ĐHCĐ thông qua và thấp hơn 851 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023.

Những nỗ lực của Công ty trong hoạt động SX-KD và đạt kết quả có lãi năm 2024:

- Công tác quản lý kỹ thuật được làm tốt, ổn định được công nghệ nên các định mức tiêu hao chính đều bằng hoặc thấp hơn kế hoạch, tổng giá trị tiết kiệm định mức tiêu hao năm 2024 so với kế hoạch được 60 tỷ đồng.
- Hầu hết các vật tư/dịch vụ đều được mua theo hình thức đấu thầu trực tiếp/đấu thầu qua mạng hoặc báo giá cạnh tranh, góp phần giảm chi phí cho hoạt động SX-KD được 16,8 tỷ đồng.
- Trong bối cảnh giá bán Urê tốt hơn giá NH3, Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ Urê đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu sang các nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Philipin, Đài Loan, Malaysia, Úc, Ấn Độ..... Kết quả sản lượng tiêu thụ quy đổi về Urê đạt và vượt kế hoạch năm (trong đó sản lượng Urê xuất khẩu đạt 117.250 tấn Urê với giá trị 46,4 triệu USD cao nhất từ trước đến nay).

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Hội đồng quản trị



STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	0
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	4.600
3	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	4.300
4	Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.900
5	Bà Nguyễn Tuyền Anh	Thành viên độc lập HĐQT	0



**ÔNG NGUYỄN VĂN THIỆU**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm sinh: 1965  
Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế  
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 102.511.000 cổ phần



**ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG**  
**THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 1968  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD  
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



**ÔNG PHẠM VĂN TRUNG**  
**THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 1967  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế; Thạc sỹ QTKD  
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



**ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HỒNG**  
**THÀNH VIÊN HĐQT**

Năm sinh: 1978  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD  
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



**BÀ NGUYỄN TUYẾN ANH**  
**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Năm sinh: 1968  
Trình độ chuyên môn: cử nhân Kinh tế

## Danh sách Ban điều hành



STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	4.600
2	Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	4.300
3	Ông Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	1.900
4	Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	0



### ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

#### TỔNG GIÁM ĐỐC

(Được bổ nhiệm TGD Công ty kể từ ngày 01/11/2024)

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD

Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



### ÔNG PHẠM VĂN TRUNG

#### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế; Thạc sỹ QTKD

Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



### ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HỒNG

#### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD

Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần



### ÔNG LÊ ANH TUẤN

#### KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý

## Thay đổi trong ban điều hành

Ngày 1/11/2024, Công ty tổ chức lễ công bố quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức vụ Tổng Giám đốc. Trước đó, ông Dũng là Phó Bí thư Đảng ủy, thành viên Hội đồng quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty.





# Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ
1	Ông Hà Xuân Hán	Trưởng BKS chuyên trách	4.900
2	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	3.000
3	Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	0



**ÔNG HÀ XUÂN HÁN**  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



**ÔNG LÊ ANH TUẤN**  
**THÀNH VIÊN BKS**

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, thạc sỹ QTKD



**BÀ ĐẶNG THỊ MINH LÝ**  
**THÀNH VIÊN BKS**

Năm sinh: 1994

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

*Dạm Hà Bắc - Gắn bó cùng nhà nông*



## Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 1.263 người. Cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>I Theo trình độ lao động</b>					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	461	37,06	465	36,82
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	703	56,51	718	56,85
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	72	5,79	72	5,70
4	Lao động phổ thông	8	0,64	8	0,63
<b>II Theo giới tính</b>					
1	Nam	878	70,58	900	71,20
2	Nữ	366	29,42	363	28,80
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.244</b>	<b>100%</b>	<b>1.263</b>	<b>100%</b>

## Tóm tắt chính sách đối với người lao động

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc luôn chú trọng đến quyền lợi và phúc lợi của người lao động, tạo môi trường làm việc an toàn, ổn định và phát triển.

Lao động của Công ty được đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, công nhân kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Đến nay, lao động của Công ty đã làm chủ được công nghệ và các công việc được phân công; định biên lao động được rà soát đưa về mức

tối thiểu; thực hiện hợp nhất, sáp nhập để tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Công ty có các quy chế, quy định đảm bảo các chế độ cho người lao động đúng quy định của pháp luật; năm 2024 bố trí đủ việc làm, đảm bảo tiền lương cho 100% CBCNV Công ty.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### Tình hình thực hiện dự án đầu tư

- Giá trị thực hiện công tác ĐTXD năm 2024 đạt 9,959 tỷ đồng. Trong đó: Chi phí thiết bị 9,171 đồng; chi phí khác 0,788 tỷ đồng.
- Dự án triển khai thực hiện xong (06 dự án): Xe nâng 3 tấn KOMASU (02 chiếc); xe ô tô 29 chỗ ngồi; xe ô tô điện Bus 11 chỗ; Máy nghiền rung 3 cối. xe ô tô 7 chỗ; hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục tại cửa ra trạm xử lý nước thải A/O.
- Dự án đang triển khai thực hiện đầu tư (01 dự án): Máy phân tích lưu huỳnh trong than (ký hợp đồng mua).
- Dự án đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư (03 dự án): Đầu tư lò hơi 130 tấn/h Xưởng Nhiệt; Đầu tư Hệ thống bốc xếp bao (02 Robot xếp bao); xe xúc lật (dung tích gầu ~ 0,167 m3).
- Riêng dự án hệ thống nghiền đá vôi chuyển sang hướng cải tạo, nâng cấp hệ thống hiện có nên đưa sang đề tài khoa học kỹ thuật.

## Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

### Công ty con

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không có công ty con.

### Công ty liên kết

#### Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2023	TH năm 2024	TH 2024/TH 2023
1	Tổng tài sản	47.945	40.635	84,8%
2	Doanh thu thuần	47.461	39.593	83,4%
3	Giá vốn hàng bán	25.297	25.520	100,9%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.612	474	29,4%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	3.756	3.423	91,1%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.050	11.137	55,5%
7	Lợi nhuận khác	0	0	n/a
8	Lợi nhuận trước thuế	20.020	11.125	55,6%
9	Lợi nhuận sau thuế	15.998	8.879	55,5%

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tóm tắt tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Tổng tài sản (tại ngày 31/12)	Tỷ đồng	6.745,9	6.247,7	-7,4%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.413,5	4.439,5	0,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(944,8)	(190,55)	-79,8%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	1.803,1	197,40	-89,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	858,3	6,85	-99,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	858,3	6,85	-99,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0	0	

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
<b>Nhóm chỉ số thanh khoản</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,09
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,55	0,63
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,30	0,32
<b>Nhóm chỉ số cơ cấu vốn</b>			
Nợ/ Tổng tài sản	%	90,93	90,10
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	1.002,97	910,21
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản	%	42,83	44,58
<b>Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	6,09	7,27
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	59,91	50,23
Vòng quay khoản phải thu bình quân	Vòng	18,18	22,50
Số ngày phải thu bình quân	Ngày	20,07	16,22
Vòng quay khoản phải trả bình quân	Vòng	10,95	10,40
Số ngày phải trả bình quân	Ngày	33,32	35,11

Số ngày chuyển đổi tiền mặt	Ngày	46,66	31,34
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,62	0,68
<b>Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi</b>			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	(0,35)	6,25
<b>Tỷ suất lợi nhuận hoạt động</b>	<b>%</b>	<b>(21,41)</b>	<b>(4,29)</b>
Tỷ suất LNST	%	19,45	0,15
ROAA	%	11,98	0,11
ROAE (*)	%	477,59	1,11

Lưu ý: Hệ số ROAE năm 2023 tăng đột biến do chỉ tiêu vốn chủ sở hữu chuyển từ âm tại thời điểm đầu năm 2023 sang dương vào cuối năm 2023.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	
Mã chứng khoán	DHB	
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu	
Ngày bắt đầu niêm yết	26/07/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán DHB.	
Số cổ phiếu phổ thông	272.200.000	cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	0	cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	272.200.00	cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	270.896.200	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	1.303.800	cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024	Không	

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của DHB chốt ngày 22/03/2024

## Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

## Cơ cấu cổ đông

STT	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
				Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu	272.200.000	100%	1280	19	1261
Cổ đông nhà nước (*)	265.831.000	97,66%	1	1	0
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	265.831.000	97,66%	1	1	0
- Trong nước	265.831.000	97,66%	1	1	0
- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
Cổ đông khác	6.369.000	2,34%	1279	18	1261
- Trong nước	6.369.000	2,34%	1279	18	1261
- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
Công đoàn Công ty	160.000	0,06%	1	1	0
Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0

(\*) Công ty có 01 cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của DHB chốt ngày 24/03/2025

## Danh sách cổ đông lớn

Trong năm 2024, không có sự thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn tại Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Tên	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ (cổ đông cá nhân)/Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL tại 31/12/2024 (%)
1	Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	2180/QĐ-TTg	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	265.831.000	97,7%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của DHB chốt ngày 24/03/2025

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không thống kê
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2024	Ghi chú
1	Than cám 4B	tấn	0	
2	Than cám 5A	tấn	397.768,723	
3	Than cám 4A	tấn	384.847,781	
4	Dầu điều đốt lò	kg	65.805	
5	Nước tuần hoàn	m3	369.735.783	
6	Bao bì Urê 50 kg (Urê Hà Bắc)	bộ	4.939.146	
7	Bao bì Urê 25 kg	bộ	905.240	

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2024	Tỷ lệ (%)
1	Tro lò hơi	tấn	0	0%
2	Bã chua lò Shell	tấn	5.773.207	1,45%
3	Dầu thu hồi	lít	0	



# Tiêu thụ năng lượng

## Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Tổng lượng điện sử dụng năm 2024 là: 276.668.471 kWh.

## Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2024 là: 60,2 tỷ đồng. Trong đó, tiết kiệm định mức than là 11,27 tỷ đồng, tiết kiệm điện là: 5,6 tỷ đồng.

## Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2024 tiếp tục triển khai 2 giải pháp sau:
  - Giải pháp 1: Giải pháp tổng thể tính toán phối hợp cài đặt các bảo vệ để tách lưới giữ ổn định sản xuất dây chuyền chính khi có sự cố điện lưới quốc gia.
  - Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xường Nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

# Tiêu thụ nước

## Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.
- Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2024 là: 9.551.557 m3.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 97,4%.

# Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

# Chính sách liên quan đến người lao động

## Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Đến ngày 31/12/2024 Công ty có 1.263 lao động. Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2024 là: 12,794 triệu đồng/người/tháng (trong đó tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động là 8,404 triệu đồng/người/tháng).

## Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- 100% người lao động được bố trí đủ việc làm; được đóng BHXH, BHYT, BHTN, ... theo quy định; người lao động đi làm được Công ty phục vụ 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền; được hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng; được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc, ...
- Công ty có phòng Y tế gồm 08 người, luôn thường trực 24/24h.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 01 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 02 lần/năm.
- Năm 2024 Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn đột xuất 129.400.000 đồng cho 526 lượt người lao động; chi trợ giúp 39.200.000 đồng cho 64 lượt người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

# Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

	Tổng số giờ đào tạo trung bình/năm (giờ)	Theo tổng số nhân viên (giờ/người)	Theo phân loại lao động	
			Lao động gián tiếp (giờ/người)	Lao động trực tiếp (giờ/người)
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	373.709	230	09	280

## Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty sản xuất Phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc thợ để được xét duyệt thi nâng bậc lương hàng năm theo quy chế đào tạo của Công ty; đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất, linh hoạt trong bố trí sử dụng và đảm bảo cho người lao động có đủ việc làm.
- Cử người lao động đến các trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, Trường đại học có uy tín về công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiến thức cũng như chuyên môn để đáp ứng được điều kiện để tăng lương;
- Công ty thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và phát triển sự nghiệp với các chương trình như sau:
  - Hợp tác với Công ty Công nghệ Giáo dục mở lớp "Cập nhật Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn Luật.
  - Hợp tác với Công ty Cổ phần Huấn luyện Kiểm định An toàn Công nghiệp 1 mở lớp huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho Cán bộ quản lý của Công ty.
  - Đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc, nâng lương cho người lao động.
  - Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
  - Đào tạo thêm cương vị, đào tạo lại để bố trí sắp xếp lại lao động.

# Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ người nghèo, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của Công ty.

# Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

**KHÔNG CÓ.**



## CHƯƠNG IV

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý  
Phương hướng phát triển năm 2025

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm  
toán (nếu có)

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và  
xã hội

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

## Tình hình hoạt động năm 2024 và đánh giá của ban điều hành

Kết quả kinh doanh	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	4.413,48	4.439,48	0,6%
Giá vốn hàng bán	4.428,75	4.161,82	-6,0%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>(15,27)</b>	<b>277,66</b>	<b>n/a</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	12,25	26,90	119,6%
Chi phí tài chính	690,36	272,94	-60,5%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	642,45	203,31	-68,4%
Chi phí bán hàng	94,77	86,35	-8,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	156,64	135,82	-13,3%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(944,80)</b>	<b>(190,55)</b>	<b>-79,8%</b>
Lợi nhuận khác	1.803,08	197,40	-89,1%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>858,28</b>	<b>6,85</b>	<b>-99,2%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>858,28</b>	<b>6,85</b>	<b>-99,2%</b>

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận những kết quả cải thiện tích cực.

Doanh thu thuần đạt 4.439,48 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,6% so với năm 2023 (4.413,48 tỷ đồng). Trong khi đó, giá vốn hàng bán giảm 6%, góp phần nâng cao biên lợi nhuận gộp. Nhờ đó, lợi nhuận gộp có sự phục hồi mạnh mẽ, từ âm 15,27 tỷ đồng năm 2023 lên 277,66 tỷ đồng năm 2024. Đây là một dấu hiệu tích cực, cho thấy công ty đã tối ưu hóa được chi phí sản xuất và quản lý hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, công ty cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể từ doanh thu hoạt động tài chính, đạt 26,9 tỷ đồng, cao gấp 2,2 lần so với năm trước. Một điểm sáng khác là chi phí tài chính giảm mạnh 60,5%, đặc biệt chi phí lãi vay giảm từ 642,45 tỷ đồng xuống 203,31 tỷ đồng, giúp giảm áp lực tài chính đáng kể. Đồng thời, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt giảm 8,9% và 13,3%, cho thấy công ty đã kiểm soát tốt chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Mặc dù hoạt động kinh doanh chính có sự cải thiện rõ rệt, nhưng công ty vẫn ghi nhận lỗ thuần 190,55 tỷ đồng, dù con số này đã giảm mạnh so với mức lỗ 944,80 tỷ đồng năm 2023 (giảm 79,8%). Tuy nhiên, lợi nhuận khác giảm mạnh 89,1%, chỉ còn 197,40 tỷ đồng, điều này cho thấy công ty không còn nguồn thu nhập đột biến như năm trước. Do đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm 99,2%, chỉ đạt 6,85 tỷ đồng. Nhìn chung, kết quả kinh doanh năm 2024 cho thấy công ty đang dần phục hồi trong hoạt động cốt lõi, đặc biệt là trong việc kiểm soát chi phí và giảm lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lại suy giảm mạnh do không còn nguồn thu từ các khoản lợi nhuận khác. Để đạt được sự tăng trưởng bền vững hơn, công ty cần tiếp tục đẩy mạnh tối ưu hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới nhằm đảm bảo lợi nhuận ổn định trong tương lai.

*Đạm Hà Bắc - Gắn bó cùng nhà nông*



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.745,9</b>	<b>6.247,7</b>	<b>-7,4%</b>
Tài sản ngắn hạn	1.197,2	1.280,7	7,0%
- Tiền và tương đương tiền	321,7	371,8	15,6%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	18,0	48,0	166,7%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	233,2	247,3	6,1%
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng	200,0	194,5	-2,8%
Trong đó: Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5,3)	(5,2)	-2,5%
- Hàng tồn kho	606,4	539,1	-11,1%
Trong đó: Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	-	-	n/a
- Tài sản ngắn hạn khác	17,9	74,4	315,5%

**Tình hình quản lý tài sản:** Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 6.247,1 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.280,7 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 4.967,0 tỷ đồng.

**Tình hình công nợ phải thu:** Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 là 988,1 tỷ đồng (trong đó nợ phải thu ngắn hạn là 247,3 tỷ đồng; nợ phải thu dài hạn là 740,8 tỷ đồng).

- Đối với nợ phải thu ngắn hạn của Công ty Chủ yếu là phải thu của khách hàng phát sinh do Công ty bán hàng và cung cấp dịch vụ, một số khách hàng có dư nợ lớn thời điểm 31/12/2024 là: Công ty Samsung C and T Singapore PTE LTD 49,8 tỷ; CTTNHH MTV dịch vụ và thương mại tổng hợp Thanh Sơn 33,4 tỷ đồng; CTCP Tổng Công ty KC Hà Tĩnh - Chi nhánh miền Trung 15 tỷ đồng; CTTNHH Vietimex 10,1 tỷ đồng; CTCP Phát triển thương mại đầu tư xây dựng Thành Nam Group 9,9 tỷ đồng; CTCP Hoá chất Hưng phát Hà Bắc 5,4 tỷ đồng; CTCP Khí công nghiệp Long Biên 4,9 tỷ đồng. Đối với khoản nợ phải thu của Công ty Ngũ Hoàn là 54 tỷ đồng phát sinh khi Công ty cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác trong giai đoạn chạy thử Dự án Cải tạo – Mở rộng Nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nâng công suất lên 50 vạn tấn/năm, do Dự án chưa quyết toán A-B nên Công ty chưa thu được khoản công nợ trên.

- Đối với khoản phải thu dài hạn đáng lưu ý là khoản nợ phải thu đối với Công ty Ngũ hoàn là 740,8 tỷ đồng do Công ty tự lập quyết toán hợp đồng EPC theo khoản 8 Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016. Đây là khoản Nhà thầu cung cấp chưa đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của hợp đồng đối với một phần vật liệu phục vụ thi công lắp đặt, tài liệu chứng minh việc mua đủ bảo hiểm nhân sự của Nhà thầu. Tổng giá trị là 34.461.194 USD. Chủ đầu tư đề nghị nhà thầu cung cấp đủ chứng từ và tài liệu và quyết toán theo giá hợp đồng có đủ chứng từ, tài liệu. Nhà thầu không đồng ý vì cho rằng hợp đồng EPC là tổng giá cố định.
- Trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản nợ phát sinh đối với Công ty Constrexim - Meco là: 5,2 tỷ đồng.

## Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
<b>Nợ phải trả</b>	<b>6.134,3</b>	<b>5.629,2</b>	<b>-8,2%</b>
Nợ ngắn hạn	1.080,8	1.173,6	8,6%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	374,0	415,3	11,0%
Nợ dài hạn	5.053,5	4.455,6	-11,8%
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.515,1	2.369,9	-5,8%

- Tình hình công nợ phải trả:** Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2024 là 5.629,2 tỷ đồng (trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 1.173,6 tỷ đồng; nợ phải trả dài hạn là 4.455,6 tỷ đồng).
- Khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp:** Tình hình tài chính của Công ty năm 2024 tuy đã khởi sắc, tốt hơn các năm trước, tuy nhiên hệ số thanh toán nợ vẫn còn ở mức thấp.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Về công tác quản trị nội bộ:** các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của Công ty tiếp tục được rà soát, sửa đổi làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của Công ty. Trong năm, Hội đồng quản trị đã rà soát, sửa đổi chức năng nhiệm vụ của phòng Tổ chức nhân sự và Văn phòng Công ty.
- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý:** Bộ máy quản lý của Công ty tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo hướng tinh gọn hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.





# PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

## Kế hoạch hoạt động năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả 2024	Kế hoạch 2025
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất chính</b>			
-	Sản lượng SX Urê	Tấn	397.658	390.430
-	Sản lượng NH3 TP	Tấn	19.486	32.000
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu tiêu thụ</b>			
-	Sản lượng TT Urê	Tấn	407.052	390.000
-	Sản lượng NH3 TP	Tấn	19.486	32.000
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	4.439.477	4.607.060
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	6.261	123.320

## Một số nhiệm vụ trọng tâm

**Mục tiêu chung năm 2025:** Tập trung cao trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SX-KD, phấn đấu hoàn thành kế hoạch SX-KD và đầu tư năm 2025 được giao.

Để hoàn thành mục tiêu chung năm 2025, Công ty cần triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

### • Về công tác đầu tư xây dựng

Công ty tiếp tục tiến hành các bước để triển khai đầu tư các dự án phục vụ sản xuất với tổng giá trị đầu tư là 21,502 tỷ đồng, trọng tâm là thực hiện dự án đầu tư Hệ thống bốc xếp bao.

### • Về công tác quản trị sản xuất

- » Tập trung mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp trong công tác điều hành sản xuất, cân đối phụ tải đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao nhất. Chủ động rà soát toàn bộ hệ thống thiết bị dây chuyền để nắm rõ tình hình hoạt động và có kế hoạch sửa chữa kịp thời, đảm bảo cho chạy máy liên tục dài ngày.
- » Làm tốt việc đào tạo, cấp than đồng đều cho lò hơi, lò khí hóa Shell để ổn định công nghệ lò, giảm định mức tiêu hao than. Điều chỉnh công nghệ lò Shell phù hợp để kéo dài chu kỳ vận hành lò.
- » Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trong sản xuất, chống lãng phí, tiết giảm chi phí, giảm định mức tiêu hao nhằm nâng cao hiệu quả SX-KD cho Công ty.
- » Phối hợp chặt chẽ với Công ty Điện lực Bắc Giang để đảm bảo an toàn hành lang điện lưới cấp cho Công ty. Triển khai việc hợp tác sử dụng điện mặt trời áp mái để tiết kiệm chi phí, chủ động được nguồn điện cho sản xuất ổn định, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.
- » Đẩy mạnh việc nghiên cứu, cập nhật và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, đẩy mạnh việc đưa công nghệ số vào các hoạt động SXKD.
- » Thường xuyên thực hiện tốt công tác ATMT-VSCN; công tác bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống phòng cháy

chữa cháy.

### • Về công tác mua vật tư

- » Nhận định và dự báo tốt những ảnh hưởng của thị trường nguyên nhiên liệu đầu vào để tính toán, cân đối thời điểm mua vật tư hợp lý, phù hợp với thực tế với giá mua cạnh tranh, đảm bảo về chất lượng và tiến độ cung cấp.
- » Triển khai mua các vật tư, chi tiết dự phòng để đảm bảo sản xuất ổn định, không gián đoạn. Tăng cường giám sát, kiểm tra công tác cung ứng, sử dụng vật tư.
- » Thực hiện tốt quy chế mua sắm vật tư hàng hóa của Công ty và quy chế mua sắm giữa các đơn vị nội bộ Tập đoàn HCVN đảm bảo hiệu quả.

### • Về công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm

- » Nâng cao khả năng dự báo, bám sát diễn biến giá thế giới để có chính sách bán hàng linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả SXKD. Duy trì và làm tốt công tác quảng bá thương hiệu các sản phẩm của Công ty, củng cố, giữ vững hệ thống khách hàng. Xây dựng kế hoạch bán hàng chi tiết theo từng tuần, từng tháng để chủ động sản xuất. Linh hoạt cơ cấu sản phẩm tiêu thụ Urê/NH3 đáp ứng nhu cầu thị trường; tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ Urê theo hướng xuất khẩu và làm nguyên liệu cho sản xuất.
- » Bám sát diễn biến thị trường để duy trì và đảm bảo lượng cấp NH3 cho các khách hàng có nhu cầu sử dụng.

### • Về công tác tài chính

- » Cân đối dòng tiền cho hoạt động SX-KD của Công ty và trả nợ gốc/lãi vay dài hạn các ngân hàng bám sát theo Đề án tái cơ cấu đã được Chính phủ phê duyệt.
- » Quản lý chặt chẽ công tác chi tiêu tài chính, đảm bảo tiết kiệm và đúng với quy chế của Công ty.

### • Về công tác lao động, tiền lương

- » Rà soát định biên lao động năm 2025 đồng thời bố trí sắp xếp, điều động lao động đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất của Công ty, những cương vị sản xuất thiếu lao động tiếp tục bố trí làm thêm giờ và thanh toán lương thêm giờ theo quy định.
- » Thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị trực thuộc Công ty để giảm đầu mối, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị Quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.
- » Tổ chức các lớp học ngắn hạn nhằm đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

### • Một số nhiệm vụ khác

- » Triển khai thực hiện kinh tế tuần hoàn của Công ty theo Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 02/12/2024 của Bộ Công Thương về thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn trong ngành Công Thương.
- » Tiếp tục làm việc với nhà thầu EPC về những nội dung còn tồn tại, vướng mắc để quyết toán hợp đồng EPC và quyết toán Dự án.
- » Đẩy mạnh áp dụng kỹ thuật số vào quản trị các hoạt động SXKD của Công ty. Khẩn trương triển khai cập nhật, nâng cấp phần mềm Bravo phục vụ công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả điều hành doanh nghiệp.
- » Chuẩn bị và thực hiện tốt việc tổ chức Lễ kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Công ty.

# GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

## Giải trình kết quả kinh doanh năm 2024 thay đổi trên 10% so với năm 2023

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đạt mức lợi nhuận 6,8 tỷ đồng, giảm lãi 851 tỷ đồng so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Đầu năm 2024, tình hình sản xuất không thuận lợi do thời tiết diễn biến bất thường, nắng nóng mưa giông nhiều, đặc biệt là xảy ra sét đánh nhiều lần làm đứt đường dây truyền tải điện của Công ty, dây chuyền sản xuất phải ngừng đột xuất, bất thường ảnh hưởng trực tiếp lớn đến thiết bị của dây chuyền sản xuất. Khi Công ty tiến hành khắc phục các sự cố do điện lưới, chạy máy trở lại phát hiện có phát sinh dò thiết bị nên phải ngừng máy dài ngày để khắc phục và kết hợp đại tu bảo dưỡng sửa chữa lớn. Vì vậy thời gian chạy máy giảm 45 ngày so với kế hoạch, không có sản phẩm.
- Tình hình mưa, bão, lũ diễn ra bất thường đặc biệt ảnh hưởng của cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão khiến việc cung cấp vật tư, hàng hóa bị gián đoạn.
- Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, đặc biệt là giá than vẫn giữ ở mức cao.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá năm 2024 là 67 tỷ đồng, tăng 20 tỷ đồng so với năm 2023 do tỷ giá đồng Đô la Mỹ tăng mạnh làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Khoản thu nhập khác từ Đề án tái cơ cấu các khoản nợ vay đầu tư của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong năm 2024 là 243 tỷ đồng, giảm 1.559 tỷ đồng so với năm 2023 (Năm 2023, tổng số tiền được hạch toán vào thu nhập khác của Công ty là 1.802 tỷ đồng).

## Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc quyết toán dự án hoàn thành dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về tiến độ quyết toán dự án hoàn thành xong trong năm 2017, ngày 01/12/2017 Công ty đã hoàn thiện Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, trong đó hợp đồng EPC tự quyết toán.
- Trong thời gian qua, Công ty vẫn tiếp tục phối hợp, đôn đốc Nhà thầu để hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Tuy nhiên, đến nay hai bên chưa thống nhất một số nội dung vướng mắc. Do vậy, đến nay chưa quyết toán A-B hợp đồng EPC và chưa đủ cơ sở phê duyệt quyết toán dự án cũng như chưa xác nhận được với Nhà thầu các khoản công nợ liên quan.

# ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn nỗ lực thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường với phương châm phát triển bền vững, gắn liền với trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng.

Công ty chú trọng thực hiện các biện pháp tái sử dụng nguyên vật liệu, đồng thời tăng cường xử lý chất thải và nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt theo đúng quy định pháp luật. Định kỳ hàng quý, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiến hành quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên, khuyến khích tinh thần tự giác và đưa bảo vệ môi trường trở thành một phần không thể tách rời trong quy trình sản xuất.

## Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động

Bên cạnh việc đảm bảo thu nhập cho người lao động, công đoàn Công ty và các đoàn thể quần chúng tiếp tục làm tốt chức năng đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; phối hợp thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thường xuyên quan tâm chăm lo cho cán bộ, đoàn viên, hội viên, người lao động gặp khó khăn, tai nạn lao động; phối hợp với chuyên môn bảo đảm việc làm, cải thiện tiền lương thu nhập và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công nhân viên.

Trong năm, các đoàn thể đã thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động như: Chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, kiểm tra tiêu chuẩn, định lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm bữa ăn giữa giờ, ca 3, độc hại. Đồng thời tiếp tục tuyên truyền, động viên người lao động nỗ lực vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng hành, gắn bó với Công ty.

Song song với đó, các đoàn thể Công ty tiếp tục tham mưu chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao truyền thống như Hội khỏe, giải Bóng, giải Cầu lông, giải Quần vợt truyền thống; duy trì hoạt động thường xuyên của 22 câu lạc bộ cầu lông, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng của các đơn vị tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Công đoàn Công ty đã tham mưu tổ chức tốt các đoàn Vận động viên của Công ty tham gia các giải thể thao do tỉnh, ngành tổ chức đạt thành tích cao; vừa khẳng định chất lượng của phong trào văn hoá, thể thao của Công ty, vừa góp phần tôn vinh thương hiệu Đạm Hà Bắc.



## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công tác an sinh xã hội tiếp tục được Công ty quan tâm, ngoài việc hỗ trợ, giúp đỡ trực tiếp cho người lao động gặp khó khăn như trợ cấp, trợ giúp, thăm hỏi ốm đau, chia sẻ việc hiếu, hỉ; tặng quà động viên bố mẹ CBCNV cao tuổi, các cháu thiếu niên nhi đồng... Công ty đã phối hợp tổ chức tốt các hoạt động an sinh - xã hội với các địa phương trên địa bàn giáp ranh và một số đơn vị trong Tập đoàn Hoá chất Việt Nam. Tổng số tiền đã chi cho các hoạt động xã hội từ thiện trong năm là 941 triệu đồng.





## CHƯƠNG V

# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty  
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc  
Kế hoạch, định hướng của HĐQT



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Về kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2024, hoạt động SX-KD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do giá bán Urê và NH3 giảm và duy trì ở mức thấp; sự cố sét đánh nên Công ty phải ngừng máy dài ngày để sửa chữa thiết bị đã ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty. Dù gặp nhiều khó khăn song Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành Công ty chủ động nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra các định hướng, chính sách kinh doanh, thị trường, sản phẩm đúng đắn, cùng với truyền thống đoàn kết phấn đấu vượt khó khăn của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và sự ủng hộ của Đại lý bạn hàng, của quý cổ đông đã góp phần quan trọng đưa Công ty từng bước vượt qua khó khăn và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ hoàn thành (%)
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất chính</b>				
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng NH3 lỏng sản xuất)	tấn	440.160	434.268	98,7
-	Sản lượng SX Urê	tấn	367.440	397.658	108,2
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	40.000	19.486	48,7
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu tiêu thụ</b>				
*	Tổng s.lượng quy đổi ra Urê (tính theo lượng thương phẩm)	tấn	439.444	440.882	100,3
-	Sản lượng TT Urê	tấn	370.000	407.052	110,0
-	Sản lượng NH3 TP	tấn	40.000	19.486	48,7
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	tỷ đồng	4.720,4	4.466,4	94,6
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	tỷ đồng	168,3	6,85	4,1

Do Công ty còn lỗ lũy kế nên Hội đồng quản trị không trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận.



## Về hoạt động tài chính

- Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng, hàng năm đều được công bố thông tin theo đúng quy định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- Hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2024 có sự cải thiện nhất định, đặc biệt là giảm được áp lực chi phí tài chính nhờ tái cơ cấu.

## Về hoạt động đầu tư xây dựng

- Giá trị thực hiện công tác ĐTXD năm 2024 đạt 9,959 tỷ đồng. Trong đó: Chi phí thiết bị 9,171 đồng; chi phí khác 0,788 tỷ đồng.
- Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện xong 06 dự án, đang tiếp tục triển khai đầu tư 01 dự án, thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với 03 dự án.
- Riêng dự án hệ thống nghiền đá vôi chuyển sang hướng cải tạo, nâng cấp hệ thống hiện có nên đưa sang đề tài khoa học kỹ thuật.

## Về công tác tổ chức cán bộ, chính sách tiền lương

**Về công tác tổ chức cán bộ:** Hội đồng quản trị đã quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến công tác cán bộ theo thẩm quyền; trình tự, thủ tục được thực hiện đúng Quy chế quản lý cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành, cụ thể như sau:

- Quyết định V/v phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2021-2026 (rà soát, bổ sung năm 2024).
- Quyết định V/v phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty giai đoạn 2026-2031 (rà soát, bổ sung năm 2024).
- Quyết định V/v Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Văn Dũng, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc kể từ ngày 01/11/2024.
- Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của Tổng giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Đức Ninh kể từ ngày 01/11/2024.

**Về chính sách tiền lương:** Hội đồng quản trị đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương làm cơ sở cho việc chi trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và giữ chân người lao động.



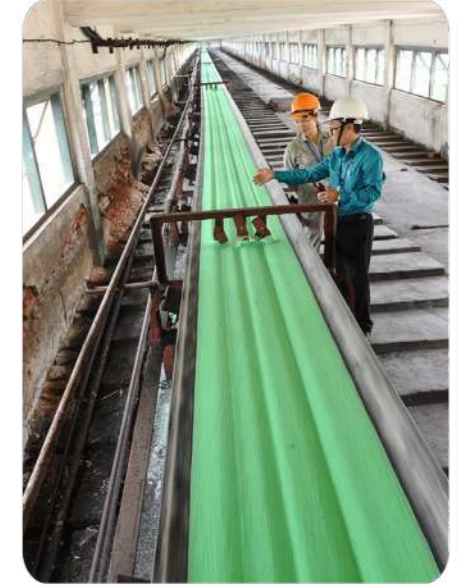
## VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ PHẦN VỐN ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

- Hiện tại, Công ty có 2 khoản đầu tư dài hạn: đầu tư vốn vào 01 Công ty liên kết là Công ty cổ phần Khí Hóa lỏng Hà Bắc với số vốn là 8,6 tỷ đồng (chiếm 36% vốn điều lệ) và đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc với số vốn 4 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu 4,7% vốn điều lệ. Năm 2024, Công ty cổ phần Khí Hóa lỏng Hà Bắc có lợi nhuận trước thuế đạt 8,9 tỷ đồng, dự kiến chia cổ tức 30%.
- Năm 2024, Công ty không phát sinh đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

## VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- HĐQT luôn luôn đặt mối quan tâm hàng đầu tới việc sản xuất bền vững do vậy các chỉ đạo Công ty về việc bảo vệ cảnh quan giảm thải ra môi trường được chú trọng. Trong tổ chức sản xuất đã áp dụng nhiều biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã triển khai nhiều hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ địa phương, thể hiện trách nhiệm xã hội và sự gắn kết với cộng đồng. Công đoàn Công ty đã thực hiện hiệu quả các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội và đền ơn đáp nghĩa, góp phần tôn vinh hình ảnh và thương hiệu Đạm Hà Bắc.

*Đạm Hà Bắc - Gắn bó cùng nhà nông*



Đạm Hà Bắc

# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý.
- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Dự báo tình hình năm 2025



#### Thuận lợi

- Đề án tái cơ cấu của Công ty được Bộ Chính trị phê duyệt trong năm 2023 góp phần giảm chi phí tài chính cho Công ty.
- Luật thuế GTGT được Quốc hội thông qua, theo đó mặt hàng phân bón được đưa vào đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% và áp dụng từ tháng 7/2025 góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất phân bón.
- Dự báo thị trường phân bón diễn biến tích cực, giá Urê và NH3 sẽ trên đà phục hồi và tăng trở lại theo giá thế giới. Công ty có thể cung cấp được NH3 cho các đơn vị có nhu cầu lớn.
- Thương hiệu và uy tín của “Đạm Hà Bắc” tiếp tục được bà con nông dân trong nước tin dùng, ủng hộ.
- Công ty sở hữu hệ thống khách hàng truyền thống luôn sát cánh cùng Công ty sẽ góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức.



#### Khó khăn, thách thức

Năm 2025, dự báo tình hình hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Tình hình xung đột chính trị thế giới và khu vực vẫn còn diễn biến khó lường, khiến giá nguyên vật liệu dùng cho sản xuất biến động phức tạp, giá than dự báo vẫn giữ ở mức cao.

- Hệ thống điện lưới không ổn định, làm ảnh hưởng đến phương thức huy động và thời gian sản xuất.
- Dự án Cải tạo – mở rộng sau hơn 10 năm đi vào khai thác đã có những phát sinh về thiết bị làm gián đoạn sản xuất.

Đó là những khó khăn, thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty có thể tăng cường công tác quản trị tiết giảm chi phí, giữ vững và củng cố thị trường góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## Định hướng phát triển

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2025
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất chính</b>		
-	Sản lượng SX Urê	Tấn	390.430
-	Sản lượng NH3 TP	Tấn	32.000
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu tiêu thụ</b>		
-	Sản lượng TT Urê	Tấn	390.000
-	Sản lượng NH3 TP	Tấn	32.000
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	4.607.060
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	123.320

## Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2025

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát và cắt giảm các nội dung, các khoản chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- Giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành sản xuất đảm bảo an toàn, ổn định với phụ tải cao, hiệu quả và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, định mức tiêu hao góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ Urê nguyên liệu, Urê cao cấp và tiêu thụ NH3 lỏng; tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới có tính chất khác biệt nhằm tăng sản lượng tiêu thụ và tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý trên các mặt hoạt động của Công ty để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí, đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất.
- Tiếp tục tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất và quản lý sản xuất theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần.
- Thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường; công tác vệ sinh công nghiệp, thu gom xử lý rác thải, làm đẹp cảnh quan môi trường.

## CHƯƠNG VI

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban  
TGD và BKS

Tăng cường quản trị công ty





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	0	0%	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền - Phó Giám đốc Phụ trách Ban QLDA Đạm Ninh Bình
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	4.600	0,0017%	Không có
3	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	4.300	0,0016%	Không có
4	Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.900	0,0007%	Không có
5	Bà Nguyễn Tuyền Anh	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	Phó TGD Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh

### Ghi chú:

- Các thành viên theo số thứ tự từ 1 đến 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với tỷ lệ tổng cộng là 97,66% vốn điều lệ.
- Thành viên theo số thứ tự 2; 3 và 4: Là thành viên Hội đồng quản trị điều hành.
- Thành viên theo số thứ tự 1 và 5: Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

### Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2024:

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024, Công ty đã miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Nguyễn Phùng Hưng và ông Nguyễn Đức Ninh. Đồng thời, bầu bổ sung ông Nguyễn Đình Hồng và bà Nguyễn Tuyền Anh làm thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026.

## Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Chưa thành lập

## Hoạt động của HĐQT

### Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thiệu	12/12	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Ninh	5/5	100%	Từ ngày 01/01/2024 đến 24/4/2024, HĐQT họp 05 cuộc
3	Ông Phạm Văn Trung	11/12	92%	Có việc đột xuất, đã xin phép vắng mặt

4	Ông Nguyễn Văn Dũng	12/12	100%	
5	Ông Nguyễn Phùng Hưng	3/5	60%	Có việc đột xuất, đã xin phép vắng mặt
6	Ông Nguyễn Đình Hồng	7/7	100%	Từ ngày 24/4/2024 đến 31/12/2024, HĐQT họp 07 cuộc
7	Bà Nguyễn Tuyền Anh	6/7	86%	Từ ngày 24/4/2024 đến 30/6/2024, HĐQT họp 07 cuộc

### Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 24/04/2024.

Đồng thời, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị 17 lần; ban hành 15 nghị quyết, 27 quyết định để điều chỉnh các hoạt động của Công ty. Các nội dung, thành phần tham dự họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty để triển khai thực hiện.

Các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên cử thành viên HĐQT đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất, chấp thuận cao của các thành viên.

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2024, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết phấn đấu vượt qua khó khăn để đạt được kết quả cao nhất, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, thị trường hợp lý.
- Sản phẩm của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được người sử dụng trong và ngoài nước tin dùng.
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2024, CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Tuyền Anh. Trong năm 2024, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua hoạt động kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT.

## Đào tạo về Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã được đào tạo lớp Giám đốc Doanh nghiệp ngành Hóa chất; các lớp nghiệp vụ do Công ty và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức.

# BAN KIỂM SOÁT

## Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Hà Xuân Hán	Trưởng BKS chuyên trách	4900	0,0018%
2	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	3.000	0,0011%
3	Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	0	0%

## Hoạt động của Ban kiểm soát

### Tình hình tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hà Xuân Hán	2/2	100%	100%	
2	Ông Lê Anh Tuấn	2/2	100%	100%	
3	Bà Đặng Thị Minh Lý	2/2	100%	100%	

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Ngoài các hoạt động thường xuyên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện những việc sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Phối hợp với các đơn vị trong Công ty kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chi phí SXKD, công tác điều hành của Công ty;
- Kiểm soát hoạt động SXKD năm 2024 của công ty và hoạt động của Công ty liên kết;
- Thường xuyên giữ mối liên hệ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, cập nhật thông tin để đề xuất, kiến nghị các giải pháp phục vụ cho công tác quản trị quản lý điều hành sản xuất của Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên theo nhiều hình thức họp, trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản;
- Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban của Ban Điều hành đều có sự tham dự của Ban kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập trong hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này Ban kiểm soát đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

# GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác trong năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tiền lương	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
<b>Thù lao Hội đồng quản trị; lương của Ban TGD, CBQL</b>						
1	Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT		72,0	10,6	82,6
2	Nguyễn Đức Ninh	TV HĐQT (Từ tháng 01/2024 đến hết ngày 23/4/2024); Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ 01/11/2024)	330,7	24,1	8,6	363,5
3	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT; Bổ nhiệm TGD từ 01/11/2024	329,6	57,6	10,6	397,8
4	Phạm Văn Trung	TV HĐQT, Phó TGD	321,8	57,6	10,6	390,0
5	Nguyễn Đình Hồng	TV HĐQT (kể từ ngày 24/4/2024); Phó TGD	305,7	33,5	10,6	349,8
6	Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	293,6		10,6	304,2
7	Nguyễn Tuyến Anh	TV HĐQT (kể từ ngày 24/4/2024); Phó TGD Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh		33,5	5,0	38,5
8	Nguyễn Hưng	Phùng TV HĐQT (Từ tháng 01/2024 đến hết ngày 23/4/2024); TP. Tổ chức lao động - Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam		24,1	7,6	31,8
<b>Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát</b>						
1	Hà Xuân Hán	Trưởng ban Kiểm soát	293,6		10,6	304,2
2	Đặng Thị Minh Lý	TV. Ban KS; CV Cơ quan UBKT Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		46,8	10,6	57,4
3	Lê Anh Tuấn	TV Ban KS; PP.KTSX		46,8	10,6	57,4

### Lưu ý:

**Thù lao trên bao gồm:** Thù lao các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Thù lao đối với Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại các doanh nghiệp khác.

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	Bà Nguyễn Tuyền Anh là Phó TGD Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	100.200	0,0368%	449.500	0,1651%	Mua cổ phiếu

## Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	Là người có liên quan của người nội bộ Công ty	0101328911	Tổ 3 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Từ ngày 04/6/2024 đến 31/12/2024	51/NQ-HĐQT ngày 10/6/2024	Thông qua hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh. Thời gian của việc ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch từ ngày 04/6/2024 đến hết 31/12/2024

## TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin áp dụng với công ty đại chúng quy mô lớn. Việc công bố thông tin theo quy định luôn kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

- Người phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan ban ngành ban hành, kịp thời tham vấn cho Hội đồng quản trị để có sự chuẩn bị phù hợp và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.
- Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng bám sát quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

## Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

- Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc xác định đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới. Công ty tập trung hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, đồng thời tăng cường tính hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trước tiên, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và tự động hóa vào quản lý sản xuất và vận hành, giúp tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng suất và giảm chi phí. Đồng thời, hệ thống quản trị doanh nghiệp được củng cố với mô hình quản lý tiên tiến, nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, tăng cường hiệu quả giám sát tài chính và rủi ro. Công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, thông qua đào tạo bài bản và xây dựng đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn, bản lĩnh và chuyên môn cao.
- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải thiện cơ chế quản trị minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và thiết lập các quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tạo niềm tin cho cổ đông, nhà đầu tư. Việc tăng cường hợp tác và liên kết với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước cũng là giải pháp quan trọng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Với định hướng quản trị chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đặt mục tiêu phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông, người lao động và các bên liên quan.

Bắc Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2025

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Văn Dũng**



## CHƯƠNG VII

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM  
VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

**MỤC LỤC**

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

---

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH3, CO2, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

Tên tiếng anh: Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

Tên viết tắt: HANICHEMCO

Mã chứng khoán: DHB

Trụ sở chính: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Ninh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Hồng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/4/2024
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024
Bà Nguyễn Tuyền Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/4/2024
Ông Đặng Xuân Thủy	Phụ trách quản trị	

Ban Kiểm soát

Ông Hà Xuân Hán	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Minh Lý	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2024
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/11/2024
Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Nguyễn Văn Dũng Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC ("MOORE AISC") đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Cam kết

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã ghi nhận nguyên giá và trích khấu hao tài sản cố định của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017 khi chưa có đầy đủ quyết toán A-B các gói thầu 10, 14, 8 và hợp đồng tư vấn kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng với các nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành của cấp có thẩm quyền. Dẫn đến phát sinh các khoản công nợ liên quan đến nhà thầu nước ngoài và các khoản công nợ khác (xem chi tiết tại thuyết minh số V.3; V.5; V.12; V.16 và VII.1)

Với các bằng chứng đã thu thập được và các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ trên cũng như các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh trong tương lai liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành nêu trên.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh V.9, Công ty đã tạm hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình của Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành do chủ đầu tư lập ngày 01/12/2017.

Tại thuyết minh IV.8, V.11, Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giảm của các năm 2017, 2018, 2019 trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn - Mã số 261 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Phó Giám đốc chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4945-2024-005-1



PHAN CÔNG VĂN

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 5298-2021-005-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.280.654.453.806</b>	<b>1.197.217.623.498</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	371.815.496.069	321.675.669.771
1. Tiền	111		371.815.496.069	321.675.669.771
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	48.000.000.000	18.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.000.000.000	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.334.172.387	233.221.559.009
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	194.518.231.831	200.035.369.805
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.973.043.906	18.432.123.924
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.053.233.712	20.098.402.342
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.210.337.062)	(5.344.337.062)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	539.114.396.425	606.416.719.831
1. Hàng tồn kho	141		539.114.396.425	606.416.719.831
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.390.388.925	17.903.674.887
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	5.677.546.358	5.463.108.399
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.712.842.567	10.754.647.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	0	1.685.918.754
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.967.010.492.705</b>	<b>5.548.647.382.535</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		740.804.017.963	740.804.017.963
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	740.804.017.963	740.804.017.963
II. Tài sản cố định	220		3.544.838.254.694	4.064.082.996.807
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.544.838.254.694	4.062.847.912.136
- Nguyên giá	222		9.842.734.235.963	9.819.220.986.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.297.895.981.269)	(5.756.373.074.480)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	1.235.084.671
- Nguyên giá	228		13.226.611.293	13.226.611.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.226.611.293)	(11.991.526.622)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	92.343.894.458	71.809.337.198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		33.552.540	33.552.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		92.310.341.918	71.775.784.658
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	13.218.878.465	13.218.878.465
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.662.812.368	9.662.812.368
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.556.066.097	3.556.066.097
VI. Tài sản dài hạn khác	260		575.805.447.125	658.732.152.102
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	575.805.447.125	658.732.152.102
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6.247.664.946.511</b>	<b>6.745.865.006.033</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.629.212.667.649</b>	<b>6.134.258.143.777</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		1.173.591.345.018	1.080.764.573.583
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	386.144.351.853	414.511.282.093
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	117.549.295.214	9.071.721.825
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	500.166.207	1.112.279.092
4. Phải trả người lao động	314		45.049.252.495	70.064.940.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	576.813.743	8.998.258.018
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	208.448.097.686	202.936.667.471
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	415.263.223.306	374.004.949.047
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.144.514	64.475.832
II. Nợ dài hạn	330		4.455.621.322.631	5.053.493.570.194
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	2.085.715.122.631	2.538.419.080.194
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.369.906.200.000	2.515.074.490.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.19	<b>618.452.278.862</b>	<b>611.606.862.256</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		618.452.278.862	611.606.862.256
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.103.547.721.138)	(2.110.393.137.744)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.110.393.137.744)	(2.968.677.588.834)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.845.416.606	858.284.451.090
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6.247.664.946.511</b>	<b>6.745.865.006.033</b>

Nguyễn Thị Hồng Nhung  
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Lê Anh Tuấn  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.439.477.098.072	4.413.475.970.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.439.477.098.072	4.413.475.970.445
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.161.818.996.381	4.428.747.705.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		277.658.101.691	(15.271.734.596)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.898.387.016	12.246.233.322
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	272.936.421.195	690.364.050.440
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		203.307.955.862	642.445.738.924
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	86.347.980.481	94.768.244.031
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	135.824.364.153	156.638.227.377
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(190.552.277.122)	(944.796.023.122)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	248.982.692.225	1.803.845.265.031
12. Chi phí khác	32	VI.7	51.584.998.497	764.790.819
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		197.397.693.728	1.803.080.474.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.845.416.606	858.284.451.090
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.845.416.606	858.284.451.090
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	25,15	3.153,14

*Nguyễn Thị Hồng Nhung*

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2025

*Lê Anh Tuấn*

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.845.416.606	858.284.451.090
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	626.674.030.149	624.767.388.163
- Các khoản dự phòng	03		(134.000.000)	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		67.667.275.146	47.558.939.282
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.879.249.927)	(8.983.445.949)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	203.307.955.862	642.445.738.924
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		897.481.427.836	2.164.073.071.510
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(76.945.856.939)	59.200.704.924
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		67.302.323.406	240.943.050.661
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(420.259.550.735)	(1.760.922.188.908)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.360.767.775)	17.849.618.387
- Tiền lãi vay đã trả	14		(203.668.168.862)	(233.668.733.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		262.545.075.613	487.475.523.299
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(45.500.014.919)	(9.724.189.483)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		232.933.333	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	15.000.000.000
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.248.371.388	8.737.615.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.018.710.198)	14.013.426.329

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.890.182.696.271	1.650.153.340.205
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.034.721.862.012)	(2.035.282.588.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(144.539.165.741)	(385.129.248.399)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		48.987.199.674	116.359.701.229
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		321.675.669.771	207.176.087.962
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.152.626.624	(1.860.119.420)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	371.815.496.069	321.675.669.771

Nguyễn Thị Hồng Nhung  
Người lập biểu  
Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Lê Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06 tháng 11 năm 2024.

## Hình thức sở hữu vốn:

Công ty là Công ty cổ phần

## 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

## 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất và phân bón, cụ thể: phân đạm Urê, NH<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>, các sản phẩm khí công nghiệp, điện ...

## Tên tiếng anh:

Habac Nitrogenous Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company

## Tên viết tắt:

HANICHEMCO

## Mã chứng khoán:

DHB

## Trụ sở chính:

Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

## 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Không có

## 6. Tổng số lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.263 người.

(Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.238 người)

## 7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Sản xuất và kinh doanh CO <sub>2</sub>	36,00%	36,00%	36,00%

## 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	5 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	5 - 15 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	6 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	5 - 10 năm
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	3 - 8 năm

Căn cứ vào thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/5/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40% theo phương pháp đường thẳng;

- Năm 2018 và 2019, Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 50% theo phương pháp đường thẳng.

Công ty ghi nhận chi phí khấu hao được giãn vào chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh; chi phí khấu hao được giãn ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa được phân bổ 10 năm; chi phí khấu hao được giãn phân bổ 2 năm (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại nhỏ hơn hoặc bằng 2 năm) và phân bổ theo thời gian sử dụng còn lại (với các tài sản có thời gian sử dụng còn lại trên 2 năm).

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay.**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm; chi phí lãi tiền vay... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

**Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:** Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ. **Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả** là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm, dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**20. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**20. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
<b>Tiền</b>	<b>371.815.496.069</b>	<b>321.675.669.771</b>
Tiền mặt	3.725.588.904	4.733.275.554
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	368.089.907.165	316.942.394.217
a. Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	125.641.227.689	137.826.813.684
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Giang	79.544.148.778	77.757.183.576
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ	20.167.403.466	3.542.388.829
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Bắc Giang	21.200.365.843	27.764.222.112
Các ngân hàng khác	4.729.309.602	28.763.019.167
b. Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ (USD)	242.448.679.476	179.115.580.533
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Giang	242.341.481.358	159.472.248.224
Các ngân hàng khác	107.198.118	19.643.332.309
<b>Cộng</b>	<b>371.815.496.069</b>	<b>321.675.669.771</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	48.000.000.000	48.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	48.000.000.000	48.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2024

Số hợp đồng	Số dư	Kỳ hạn	Lãi suất	Ngày đáo hạn
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang</b>				
HĐTGT280/2019/15293	8.000.000.000	06 tháng	2,90%	11/03/2025
HĐTGT280/2021/22746	10.000.000.000	12 tháng	4,20%	22/07/2025
HĐTGT280/2024/67809	15.000.000.000	06 tháng	3,80%	25/01/2025
HĐTGT280/2024/669347	15.000.000.000	06 tháng	3,80%	07/02/2025
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>			

Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang được dùng làm tài sản đảm bảo để phát hành bảo lãnh và mở L/C tại ngân hàng này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.662.812.368		0	9.662.812.368
Công ty CP Khí Hóa lỏng Hà Bắc	9.662.812.368		0	9.662.812.368
- Các khoản đầu tư khác	3.556.066.097	5.820.000.000	0	3.556.066.097
Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	3.556.066.097	5.820.000.000	0	3.556.066.097
<b>Cộng</b>	<b>13.218.878.465</b>	<b>5.820.000.000</b>	<b>0</b>	<b>13.218.878.465</b>

(\*): Giá trị hợp lý của Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc được xác định dựa trên giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trên sàn Upcom trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố là 14.550 VND/CP.

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Khí Hoá lỏng Hà Bắc chưa được xác định do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty liên kết - Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc**

- Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400742955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 30/10/2014. Tại ngày 31/12/2024, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên kết 864.906 cổ phần, tương ứng giá trị là 9.662.812.368 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty liên kết trong kỳ là sản xuất và kinh doanh CO2.

Các giao dịch phát sinh trong kỳ với Công ty liên kết: bán nước, CO2. (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)

**Đầu tư khác - Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008. Tại 31/12/2024, Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc 400.000 cổ phần, tương ứng giá trị là 3.556.066.097 VND, tương đương 4,76% vốn điều lệ. Hoạt động của Công ty CP Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc trong kỳ là sản xuất và kinh doanh H2O2.

**Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Công ty CP Khí Hóa lỏng Hà Bắc

Bán hàng

Nhận cổ tức

	Năm 2024	Năm 2023
	9.340.474.270	902.310.017
	5.189.436.000	0

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 19

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>194.518.231.831</b>	<b>0</b>	<b>200.035.369.805</b>	<b>0</b>
Công ty CP Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn - VP điều hành Công trình tại Bắc Giang (*)	54.084.783.360	0	54.084.783.360	0
SAMSUNG C AND T SINGAPORE PTE LTD	49.868.750.000	0	0	0
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	33.427.000.000	0	22.558.800.000	0
Công ty CP Khí công nghiệp Long Biên	4.873.630.520	0	44.414.335.960	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	902.310.017	0	1.070.230.779	0
Dongwha International Co., Limited	0	0	30.498.352.500	0
Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	0	0	28.246.400.000	0
Các đối tượng khác	51.361.757.934	0	19.162.467.206	0
<b>Cộng</b>	<b>194.518.231.831</b>	<b>0</b>	<b>200.035.369.805</b>	<b>0</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	902.310.017	0	1.070.230.779	0
<b>Cộng</b>	<b>902.310.017</b>	<b>0</b>	<b>1.070.230.779</b>	<b>0</b>

(\*) Đây là khoản công nợ phải thu nhà thầu liên quan đến hoạt động chạy thử của tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

Toàn bộ công nợ phải thu khách hàng được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2024-HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 04/07/2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>37.973.043.906</b>	<b>0</b>	<b>18.432.123.924</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	26.367.604.217	0	10.505.783.174	0
Công ty TNHH Vật tư và thiết bị Hồng Phúc	6.167.604.000	0	0	0
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Hạo Thiên Đại Dương	310.122.230	0	2.754.299.690	0
Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hòa Tấn Nam Ninh Trung Quốc	0	0	1.757.947.755	0
Các đối tượng khác	5.127.713.459	0	3.414.093.305	0
<b>Cộng</b>	<b>37.973.043.906</b>	<b>0</b>	<b>18.432.123.924</b>	<b>0</b>
<b>5. Phải thu khác</b>	<b>31/12/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>20.053.233.712</b>	<b>(5.210.337.062)</b>	<b>20.098.402.342</b>	<b>(5.344.337.062)</b>
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
Phải thu khác liên quan công nợ Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm	4.654.692.143	0	4.654.692.143	0
Phải thu điều chỉnh chi phí đền bù mặt bằng tuyến ống 390,395	2.701.391.102	0	2.701.391.102	0
Các khoản phải thu khác	7.486.813.405	0	7.531.982.035	(134.000.000)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>740.804.017.963</b>	<b>0</b>	<b>740.804.017.963</b>	<b>0</b>
Phải thu nhà thầu EPC gói 8- Dự án Cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc (*)	740.804.017.963	0	740.804.017.963	0
<b>Cộng</b>	<b>760.857.251.675</b>	<b>(5.210.337.062)</b>	<b>760.902.420.305</b>	<b>(5.344.337.062)</b>

(\*): Giá trị điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Xem thêm thuyết minh V.9)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	5.210.337.062	(5.210.337.062)	0	(5.344.337.062)
Công ty CP Constrexim MECO Hà Nội - Giá trị ứng trước san lấp mặt bằng dự án Tái định cư	5.210.337.062	(5.210.337.062)	0	(5.210.337.062)
UBND Phường Trần Nguyên Hãn	0	0	0	(134.000.000)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	519.918.637.465	0	488.687.422.241	0
Công cụ, dụng cụ	469.867.445	0	443.452.851	0
Chi phí SX, KD dở dang	15.964.483.881	0	20.306.728.918	0
Thành phẩm	2.761.407.634	0	96.979.115.821	0
<b>Cộng</b>	<b>539.114.396.425</b>	<b>0</b>	<b>606.416.719.831</b>	<b>0</b>

Toàn bộ hàng tồn kho được thế chấp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2024-HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 04/07/2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang.

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Chi phí sản xuất,</b>				
<b>a. kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>33.552.540</b>	<b>0</b>	<b>33.552.540</b>	<b>0</b>
- Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	0	33.552.540	0
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>92.310.341.918</b>	<b>0</b>	<b>71.775.784.658</b>	<b>0</b>
- Dự án tái định cư (*)	70.873.660.448	0	70.873.660.448	0
- Dự án đầu tư lò hơi 130 tấn/h - Xưởng Nhiệt	11.310.909	0	11.310.909	0
- Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống nghiên cứu đá vôi lò hơi - Xưởng Nhiệt	10.987.963	0	10.987.963	0
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	21.414.382.598	0	879.825.338	0
<b>Cộng</b>	<b>92.343.894.458</b>	<b>0</b>	<b>71.809.337.198</b>	<b>0</b>

(\*) Dự án được đầu tư bởi Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc với tổng mức đầu tư 87 tỷ đồng. Nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Địa điểm tại phường Thọ Xương, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Mục đích của dự án là tái định cư cho người dân nằm trong dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang trong giai đoạn chờ quyết toán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá (*)</b>				
Số dư đầu năm	2.037.571.475.009	7.750.930.160.294	30.719.351.313	9.819.220.986.616
ĐT XDCB h. thành	2.948.015.644	15.217.853.630	0	18.165.869.274
Mua trong năm	0	0	6.799.588.385	6.799.588.385
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.452.208.312)	(1.452.208.312)
Số dư cuối năm	2.040.519.490.653	7.766.148.013.924	36.066.731.386	9.842.734.235.963
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	918.372.912.943	4.810.739.129.616	27.261.031.921	5.756.373.074.480
Khấu hao trong năm	69.497.588.069	472.431.060.346	1.046.466.686	542.975.115.101
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(1.452.208.312)	(1.452.208.312)
Số dư cuối năm	987.870.501.012	5.283.170.189.962	26.855.290.295	6.297.895.981.269
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	1.119.198.562.066	2.940.191.030.678	3.458.319.392	4.062.847.912.136
Số dư cuối năm	1.052.648.989.641	2.482.977.823.962	9.211.441.091	3.544.838.254.694

(\*) Nguyên giá đầu kỳ của tài sản cố định bao gồm giá trị của các tài sản cố định thuộc dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc. Dự án này đã được hạch toán tạm tăng tài sản cố định từ tháng 4 năm 2015 với tổng nguyên giá 9.578.015.411.146 VNĐ. Năm 2017, căn cứ theo Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập ngày 01/12/2017, Công ty thực hiện điều chỉnh giảm 731.345.834.964 VNĐ nguyên giá tài sản cố định hình thành từ dự án này, nguyên giá mới được xác định là 8.846.669.576.182 VNĐ và trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá mới. Giá trị cắt giảm chủ yếu liên quan đến phần vật tư, thiết bị của gói thầu 8 do Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Ngũ Hoàn thực hiện nên Công ty ghi nhận khoản phải thu với nhà thầu. Hiện nay, Công ty đang chờ phê duyệt hoàn thành từ cấp có thẩm quyền và có thể phát sinh tranh chấp hợp đồng với nhà thầu do chưa có quyết toán A-B.

- Trong đó:

+ Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.526.309.223.586 VNĐ  
+ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 918.634.004.746 VNĐ

## 10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	11.991.526.622	11.991.526.622
Khấu hao trong năm	1.235.084.671	1.235.084.671
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	1.235.084.671	1.235.084.671
Số dư cuối năm	0	0

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.226.611.293 VNĐ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>5.677.546.358</b>	<b>5.463.108.399</b>
Chi phí bảo hiểm	3.771.776.209	3.649.621.730
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.905.770.149	1.813.486.669
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>575.805.447.125</b>	<b>658.732.152.102</b>
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	18.835.350.028	37.670.700.057
Tiền thuê đất (*)	52.413.103.238	54.022.307.654
Khấu hao TSCĐ được giãn theo Thông báo số 947/HCVN-TCKT	484.255.807.694	566.719.638.071
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	20.053.784.534	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	247.401.631	319.506.320
<b>Cộng</b>	<b>581.482.993.483</b>	<b>664.195.260.501</b>

(\*) Theo Thông báo số 163/TB-STC ngày 07/08/2015 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang và các văn bản xác định tiền thuê đất được bù trừ vào tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, các khoản được trừ vào tiền thuê đất hàng năm dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc tại thôn Hương Mãn - xã Xuân Hương - huyện Lạng Giang, 02 lô đất tại khu vực phường Thọ Xương - Tp Bắc Giang đến năm 2058 được bù trừ vào tiền thuê đất hàng năm với tổng số tiền là 65.613.266.507 VNĐ. Tại thời điểm 31/12/2024, số tiền giải phóng mặt bằng còn được bù trừ với số tiền thuê đất của dự án là 52.413.103.238 VNĐ.

12. Phải trả người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>386.144.351.853</b>	<b>386.144.351.853</b>	<b>414.511.282.093</b>	<b>414.511.282.093</b>
Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Ngũ Hoàn (*)	235.876.130.842	235.876.130.842	225.664.114.513	225.664.114.513
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	70.144.912.245	70.144.912.245	129.266.744.720	129.266.744.720
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoàng Gia	20.904.085.125	20.904.085.125	4.124.224.500	4.124.224.500
Công ty cổ phần tập đoàn THAHUSA	15.711.522.750	15.711.522.750	0	0
Công ty TNHH Đầu tư Hà Long	15.228.241.875	15.228.241.875	0	0
Công ty CP Khoáng sản ĐAN KA	0	0	18.135.406.608	18.135.406.608
Phải trả nhà cung cấp khác liên quan đến Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	2.476.959.000	2.476.959.000	4.048.922.302	4.048.922.302
Các đối tượng khác	25.802.500.016	25.802.500.016	33.271.869.450	33.271.869.450
<b>Cộng</b>	<b>386.144.351.853</b>	<b>386.144.351.853</b>	<b>414.511.282.093</b>	<b>414.511.282.093</b>

(\*) Đây là khoản công nợ phải trả nhà thầu liên quan đến dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hóa chất Hà Bắc.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	358.930.000	358.930.000	2.696.540.000	2.696.540.000
<b>Cộng</b>	<b>358.930.000</b>	<b>358.930.000</b>	<b>2.696.540.000</b>	<b>2.696.540.000</b>

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>117.549.295.214</b>	<b>9.071.721.825</b>		
Công ty TNHH thương mại Thủy Ngân	27.145.500.000	0		
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp Toàn Văn	18.850.780.941	0		
Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Cường Liên	17.367.100.000	0		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang	13.135.807.383	0		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	0	3.713.845.300		
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Huỳnh Thành	0	1.172.402.952		
Công ty CP Vật tư Nông nghiệp và Xây dựng Hải Phòng	0	1.170.600.000		
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	0	46.600.000		
Các đối tượng khác	41.050.106.890	2.968.273.573		
<b>Cộng</b>	<b>117.549.295.214</b>	<b>9.071.721.825</b>		
<b>b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	0	46.600.000		
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>46.600.000</b>		

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/được khấu trừ trong năm	
	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	0	123.780	123.780	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	3.802.442.342	3.802.442.342	0
Thuế xuất, nhập khẩu	324.736.000	53.381.160.050	53.705.896.050	0
Thuế thu nhập cá nhân	343.089.204	2.804.215.846	3.099.941.113	47.363.937
Thuế tài nguyên	68.535.900	1.284.060.195	1.205.912.655	146.683.440
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	7.228.933.593	7.228.933.593	0
Lệ phí môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	375.917.988	1.603.963.005	1.673.762.163	306.118.830
<b>Cộng</b>	<b>1.112.279.092</b>	<b>70.107.898.811</b>	<b>70.720.011.696</b>	<b>500.166.207</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Tiền thuê đất	1.685.918.754	1.685.918.754	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.685.918.754</b>	<b>1.685.918.754</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>15. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>576.813.743</b>	<b>8.998.258.018</b>
Chi phí lãi vay	554.659.849	914.872.849
Các khoản trích trước khác	22.153.894	8.083.385.169
<b>Cộng</b>	<b>576.813.743</b>	<b>8.998.258.018</b>
<b>16. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	462.403.256	1.010.624.685
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	130.000.000.000	130.000.000.000
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	1.693.506.388	5.289.270.000
Vật tư đã nhập kho chưa ghi nhận công nợ	31.368.869.800	14.054.845.152
Phải trả chi phí dự án tái định cư (**)	1.911.956.217	1.911.956.217
Nguồn kinh phí dự án tái định cư được cấp (*)	2.803.991.000	2.803.991.000
Các khoản phải trả liên quan phân tự quyết toán dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	35.151.624.197	35.151.624.197
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.055.746.828	12.714.356.220
<b>Cộng</b>	<b>208.448.097.686</b>	<b>202.936.667.471</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (*)	2.015.355.825.646	2.388.202.596.753
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.549.496.985	83.406.683.441
Thu tiền sử dụng đất dự án Tái định cư (**)	66.809.800.000	66.809.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.085.715.122.631</b>	<b>2.538.419.080.194</b>
<b>c. Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Phải trả Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam về khoản thu từ thanh lý vật tư không dùng khi cổ phần hóa	1.693.506.388	5.289.270.000
<b>Cộng</b>	<b>1.693.506.388</b>	<b>5.289.270.000</b>

(\*) Khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc được điều chỉnh lại thời hạn trả lãi theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2023/HĐTĐĐT-NHPT ngày 21/12/2023.

(\*\*): Thu tiền để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình tái định cư cho Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc.

- Nguồn tiền thu trên để thực hiện chi trả chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giá trị theo dõi trên Chi tiêu xây dựng cơ bản dở dang khoảng 70,9 tỷ VND; phải thu khác khoảng 1,9 tỷ VND. Các khoản chênh lệch thu/chi sẽ quyết toán với Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>415.263.223.306</b>	<b>415.263.223.306</b>	<b>1.990.182.696.271</b>	<b>1.948.924.422.012</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	415.263.223.306	415.263.223.306	1.990.182.696.271	1.948.924.422.012
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)	300.805.453.819	300.805.453.819	1.872.724.926.784	1.845.924.422.012
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Kinh Bắc (2)	17.457.769.487	17.457.769.487	17.457.769.487	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	97.000.000.000	97.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>2.369.906.200.000</b>	<b>2.369.906.200.000</b>	<b>97.877.700.001</b>	<b>243.045.990.001</b>
Vay ngân hàng dài hạn	2.369.906.200.000	2.369.906.200.000	97.877.700.001	243.033.500.001
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (3)	1.299.319.200.000	1.299.319.200.000	97.877.700.001	143.033.500.001
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (4)	1.070.587.000.000	1.070.587.000.000	0	100.000.000.000
<b>Vay cá nhân dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.490.000</b>
Vay cán bộ nhân viên	0	0	0	12.490.000
<b>Cộng</b>	<b>2.785.169.423.306</b>	<b>2.785.169.423.306</b>	<b>2.088.060.396.272</b>	<b>2.191.970.412.013</b>
				<b>2.889.079.439.047</b>
				<b>374.004.949.047</b>
				<b>374.004.949.047</b>
				<b>274.004.949.047</b>
				<b>0</b>
				<b>100.000.000.000</b>
				<b>2.515.074.490.000</b>
				<b>2.515.062.000.000</b>
				<b>1.344.475.000.000</b>
				<b>1.170.587.000.000</b>
				<b>12.490.000</b>
				<b>12.490.000</b>
				<b>2.889.079.439.047</b>
				<b>2.889.079.439.047</b>

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại 31/12/2024	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (1)</b>						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT280-ĐHB ngày 04/07/2024	Từ ngày 04/07/2024 đến ngày 04/07/2025	Theo từng KUNN	380.000.000.000	300.805.453.819	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đạm U rê, Amoniac, CO2	Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty, địa chỉ: Đường Trần Nguyễn Hân, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang và công nợ phải thu khách hàng
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Kinh Bắc (2)</b>						
Hợp đồng cho vay hạn mức số 0101/2024/413162/HĐTD ngày 15/11/2024	Từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/03/2025	Theo từng KUNN	50.000.000.000	17.457.769.487	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C	Máy móc, thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc (đầy đủ chuyên I) thuộc sở hữu Công ty
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (3)</b>						
Hợp đồng tín dụng số 01.68/HĐTD ngày 06/8/2010	Đến năm 2031	6%/năm	192 triệu USD	50.850.000 USD	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Ngân hàng Phát triển Khu vực Bắc Đông Bắc (4)</b>						
Hợp đồng tín dụng số 45/2008/HĐĐBT-NHPT ngày 11/9/2008 và các phụ lục điều chỉnh	Đến năm 2031	8,55%/năm	4.125.000.000.000	1.167.587.000.000	Đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Cộng</b>				<b>1.299.319.200.000</b>	<b>2.785.169.423.306</b>	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.722.000.000.000	(2.974.183.682.269)	(252.183.682.269)
Lợi nhuận	0	858.284.451.090	858.284.451.090
Tăng khác	0	5.506.093.435	5.506.093.435
Số dư cuối năm trước	2.722.000.000.000	(2.110.393.137.744)	611.606.862.256
Số dư đầu năm nay	2.722.000.000.000	(2.110.393.137.744)	611.606.862.256
Lợi nhuận	0	6.845.416.606	6.845.416.606
Số dư cuối năm nay	2.722.000.000.000	(2.103.547.721.138)	618.452.278.862
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>			
	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	2.658.310.000.000	2.658.310.000.000
Các cổ đông khác	2,34%	63.690.000.000	63.690.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.722.000.000.000</b>	<b>2.722.000.000.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
		Năm 2024	Năm 2023
Vốn góp của chủ sở hữu		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp đầu năm		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		0	0
Vốn góp giảm trong năm		0	0
Vốn góp cuối năm		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
		31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông		272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		0	0
Cổ phiếu phổ thông		0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		272.200.000	272.200.000
Cổ phiếu phổ thông		272.200.000	272.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

## a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2007 đến 2058. Diện tích khu đất thuê là 85,51811 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định để làm văn phòng đại diện của Công ty tại tỉnh Bình Định từ năm 2001 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 349m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng thuê đất, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)	Nguyên tệ	Quy đổi (VNĐ)
Ngoại tệ các loại (USD)	9.675.035,93	244.294.657.234	7.534.702,72	180.870.412.162
<b>Cộng</b>	<b>9.675.035,93</b>	<b>244.294.657.234</b>	<b>7.534.702,72</b>	<b>180.870.412.162</b>

## c. Các khoản mục khác

	31/12/2024	01/01/2024
Nợ phải thu đã được xoá	134.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>134.000.000</b>	<b>0</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, sản phẩm	4.439.477.098.072	4.413.475.970.445
<b>Cộng</b>	<b>4.439.477.098.072</b>	<b>4.413.475.970.445</b>

## 2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm	4.161.818.996.381	4.428.747.705.041
<b>Cộng</b>	<b>4.161.818.996.381</b>	<b>4.428.747.705.041</b>

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.456.880.594	3.121.556.949
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.189.436.000	5.861.889.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	20.252.070.422	3.170.702.735
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	92.084.638
<b>Cộng</b>	<b>26.898.387.016</b>	<b>12.246.233.322</b>

## 4. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền vay	203.307.955.862	642.445.738.924
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.961.190.187	359.372.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	67.667.275.146	47.558.939.282
<b>Cộng</b>	<b>272.936.421.195</b>	<b>690.364.050.440</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

## a. Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.367.015.194	2.844.537.756
Chi phí bằng tiền khác (vận chuyển, quảng cáo ...)	83.980.965.287	91.923.706.275
<b>Cộng</b>	<b>86.347.980.481</b>	<b>94.768.244.031</b>

## b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	41.676.087.556	53.783.861.842
Chi phí vật liệu quản lý	9.144.790.826	8.044.105.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.097.140.318	13.801.805.265
Thuế, phí, lệ phí	8.074.400.720	4.899.129.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.766.547.235	8.556.057.989
Chi phí bằng tiền khác	56.065.397.498	67.553.267.240
<b>Cộng</b>	<b>135.824.364.153</b>	<b>156.638.227.377</b>

## 6. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Thu tiền cho thuê tài sản	260.244.371	231.685.823
Thu nhập từ chi phí lãi vay được xóa, giảm lãi suất (*)	242.846.771.107	1.802.057.603.374
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê hàng hoá	4.438.999.198	0
Thu nhập từ thanh lý tài sản	232.933.333	0
Các khoản thu nhập khác	1.203.744.216	1.555.975.834
<b>Cộng</b>	<b>248.982.692.225</b>	<b>1.803.845.265.031</b>

(\*) Công ty được xóa nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả phát sinh chưa thu đến hết ngày 21/12/2023 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Bắc theo thông báo số 53/TB-NHPT.BDB ngày 31/01/2024. Giá trị lãi được xóa, giảm được Công ty ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

## 7. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Khấu hao tài sản dùng sửa chữa	50.534.133.496	0
Các khoản khác	1.050.865.001	764.790.819
<b>Cộng</b>	<b>51.584.998.497</b>	<b>764.790.819</b>

## 8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.683.463.701.968	2.827.340.939.546
Chi phí nhân công	201.258.479.552	267.046.334.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	576.139.896.653	624.767.388.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.203.019.558	346.719.988.638
Chi phí khác bằng tiền	388.398.682.382	441.334.007.178
<b>Cộng</b>	<b>4.285.463.780.113</b>	<b>4.507.208.658.325</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.845.416.606	858.284.451.090
Các khoản điều chỉnh tăng	172.050.000	609.513.728
- Các khoản chi phí không được trừ	32.000.000	515.013.728
- Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	140.050.000	94.500.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.189.436.000)	(5.861.889.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.189.436.000)	(5.861.889.000)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(1.828.030.606)	(853.032.075.818)
Thu nhập tính thuế	0	0
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.845.416.606	858.284.451.090
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.845.416.606	858.284.451.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	272.200.000	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25,15	3.153,14

## 11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## 11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

## Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

## Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

## Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	415.263.223.306	2.369.906.200.000	2.785.169.423.306
Phải trả người bán	386.144.351.853	0	386.144.351.853
Chi phí phải trả	576.813.743	0	576.813.743
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	206.292.188.042	2.085.715.122.631	2.292.007.310.673
<b>Cộng</b>	<b>1.008.276.576.944</b>	<b>4.455.621.322.631</b>	<b>5.463.897.899.575</b>
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	374.004.949.047	2.515.074.490.000	2.889.079.439.047
Phải trả người bán	414.511.282.093	0	414.511.282.093
Chi phí phải trả	8.998.258.018	0	8.998.258.018
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	196.636.772.786	2.538.419.080.194	2.735.055.852.980
<b>Cộng</b>	<b>994.151.261.944</b>	<b>5.053.493.570.194</b>	<b>6.047.644.832.138</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

**12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	371.815.496.069	0	371.815.496.069	321.675.669.771
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	48.000.000.000	0	48.000.000.000	18.000.000.000
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	3.556.066.097	0	3.556.066.097	5.320.000.000
- Phải thu khách hàng	194.518.231.831	0	194.518.231.831	200.035.369.805
- Phải thu khác	760.857.251.675	(5.210.337.062)	755.646.914.613	755.558.083.243
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.378.747.045.672</b>	<b>(5.210.337.062)</b>	<b>1.375.800.642.513</b>	<b>1.300.589.122.819</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	2.785.169.423.306	0	2.785.169.423.306	2.889.079.439.047
- Phải trả người bán	386.144.351.853	0	386.144.351.853	414.511.282.093
- Chi phí phải trả	576.813.743	0	576.813.743	8.998.258.018
- Phải trả khác	2.292.007.310.673	0	2.292.007.310.673	2.735.055.852.980
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.463.897.899.575</b>	<b>0</b>	<b>5.463.897.899.575</b>	<b>6.047.644.832.138</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty đã, đang làm việc với Nhà thầu EPC gói 8- Thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp vận hành bàn giao nhà máy để quyết toán bổ sung Dự án Cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc nên có thể phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả với Nhà thầu và các bên có liên quan khác trong tương lai.

Khoản lỗ lũy kế kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	Thu chi thanh lý tài sản không cần dùng khi cổ phần hoá	0	(1.693.506.388)
Công ty CP DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	29.258.400.000	0
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	64.167.480.000	0
Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	Bán hàng	9.340.474.270	902.310.017
		Nhận cổ tức	5.189.436.000	0
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	Mua hóa chất	0	(358.930.000)

**+ Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Tên	Vị trí	Nội dung	Năm 2024
Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT và thu nhập khác	82.625.000
Nguyễn Đức Ninh	Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/11/2024)	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	363.477.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm từ 01/11/2024)	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	397.786.800
Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	390.046.800
Nguyễn Đình Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	349.766.600
Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên HĐQT (từ T1/2024 đến hết 23/4/2024)	Lương, thù lao HĐQT và thu nhập khác	31.770.000
Nguyễn Tuyền Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT và thu nhập khác	38.455.000
Hà Xuân Hán	Trưởng Ban Kiểm soát	Lương và thu nhập khác	304.210.200
Lê Anh Tuấn	Thành viên BKS	Thù lao BKS và thu nhập khác	57.425.000
Đặng Thị Minh Lý	Thành viên BKS	Thù lao BKS và thu nhập khác	57.425.000
Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng	Lương và thu nhập khác	304.210.200

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Do hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón ở địa bàn tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2024 trên Bảng cân đối kế toán và năm 2023 trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này. *chung*

Nguyễn Thị Hồng Nhung  
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Lê Anh Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc



**ĐẠM HÀ BẮC**  
*Quản bó cùng nhà nông*

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**

Địa chỉ: Đường Trần Nguyên Hãn - Phường Thọ Xương - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Tel: (84-204) 3854538

Fax: (84-204) 3855018

Email: Info@damhabac.com.vn

Website: damhabac.com.vn